BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

TÊN CHƯƠNG TRÌNH	: GIÁO DỤC THỂ CHẤT
NGÀNH ĐÀO TẠO	: GIÁO DỤC THỂ CHẤT
	: PHYSICAL EDUCATION
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO	: 7140206
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	: ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO	: CHÍNH QUY
TÊN VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP	
- TIẾNG VIỆT	: GIÁO DỤC THỂ CHẤT
- TIẾNG ANH	: PHYSICAL EDUCATION

Thành phố Hồ Chí Minh - 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình	: Giáo dục Thể chất
Ngành đào tạo	: Giáo dục Thể chất
	: Physical Education
Mã ngành đào tạo	: 7140206
Trình độ đào tạo	: Đại học
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Tên văn bằng tốt nghiệp	
- Tiếng Việt	: Giáo dục thể chất
- Tiếng Anh	: Physical Education

(Ban hành kèm theo quyết định số 2747/ĐHSP-ĐT, ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh)

1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo những giáo viên có trách nhiệm công dân và trách nhiệm với nghề giáo, có tính nhân văn và quan tâm đến các vấn đề về phát triển bền vững để thực hiện tốt các hoạt động giáo dục, giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Giáo dục thể chất và TDTT trường học; có khả năng thích ứng nhanh với những đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng sáng tạo, chuẩn hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế; cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho xã hội, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy môn Giáo dục thể chất ở các tỉnh, thành phố phía Nam và cả nước.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục thể chất:

- Có trách nhiệm công dân và trách nhiệm với nghề giáo, có được tính nhân văn và quan tâm đến các vấn đề về phát triển bền vững.
- Có năng lực tự chủ, giao tiếp hợp tác, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề, năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin phục vụ cho việc thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu, tự đào tạo và tiếp tục học tập nâng cao trình độ.
- Có kiến thức cơ bản của một số lĩnh vực liên quan (Tâm lí học, Giáo dục học,…).

- Có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực Giáo dục thể chất nhằm đáp ứng tốt cho việc giảng dạy môn Giáo dục thể chất ở trường trung học phổ thông, nghiên cứu khoa học Giáo dục thể chất và TDTT trường học.
- Có năng lực dạy học môn Giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động TDTT ở bậc trung học phổ thông.
- Có năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn để giảng dạy môn Giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động TDTT trong các trường THPT.
- Có năng lực nghiệp vụ sư phạm vững vàng để thực hiện hiệu quả công tác giáo dục, giảng dạy môn Giáo dục thể chất.
- Có năng lực nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Giáo dục thể chất và TDTT trường học.

1.2. Chuẩn đầu ra

Mã CĐR	Mô tả
PHẨM CHẤT	
PLO 1	**Thể hiện được trách nhiệm công dân và trách nhiệm với nghề giáo**
PI 1.1	Tuân thủ, chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước
PI 1.2	Thể hiện trách nhiệm với bản thân, học sinh, nhà trường và xã hội
PI 1.3	Thể hiện trách nhiệm của người công dân toàn cầu
PI 1.4	Thể hiện tác phong sư phạm
PLO 2	**Thể hiện được tính nhân văn và quan tâm đến các vấn đề về phát triển bền vững**
PI 2.1	Tôn trọng, quan tâm, chia sẻ và giúp đỡ mọi người
PI 2.2	Thể hiện trách nhiệm bản thân với các vấn đề về phát triển bền vững
NĂNG LỰC CHUNG	
PLO 3	**Giao tiếp và hợp tác hiệu quả**
PI 3.1	Sử dụng hiệu quả tiếng Việt để truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác trong học tập và nghề nghiệp
PI 3.2	Sử dụng được một ngoại ngữ (ngoại ngữ thứ 2 đối với sinh viên chuyên ngữ) đạt trình độ bậc 3 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
PI 3.3	Tham gia, tổ chức và đánh giá được hoạt động nhóm trong các điều kiện làm việc khác nhau

PI 3.4	Giao tiếp và hợp tác đạt kết quả dựa trên sự tôn trọng các khác biệt của cá nhân, nhóm
PI 3.5	Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ hiệu quả trong giao tiếp và hợp tác
PLO 4	**Giải quyết vấn đề hiệu quả và sáng tạo**
PI 4.1	Giải quyết được các nhiệm vụ một cách độc lập và bảo vệ được quan điểm cá nhân
PI 4.2	Sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả và sáng tạo trong giải quyết vấn đề
PI 4.3	Thích ứng với những thay đổi để giải quyết vấn đề đạt kết quả
NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN	
PLO 5	**Có kiến thức, kỹ năng thực hành các kĩ thuật TDTT và năng lực dạy học môn giáo dục thể chất trong chương trình THPT**
PI 5.1	Tổng hợp được kiến thức cơ bản của các môn lý thuyết chuyên ngành và kiến thức cơ bản về các môn thể thao trong chương trình THPT
PI 5.2	Thực hiện được các kỹ thuật thể thao cơ bản hoặc nâng cao của các môn thể thao trong chương trình THPT
PI 5.3	Xây dựng được kế hoạch bài dạy và có khả năng tổ chức dạy học môn giáo dục thể chất trong chương trình THPT
PI 5.4	Thực hiện được việc kiểm tra, đánh giá trong môn giáo dục thể chất bậc THPT
PLO 6	**Vận dụng được kiến thức và kỹ năng chuyên môn để giảng dạy môn Giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động TDTT trong trường THPT.**
PI 6.1	Vận dụng được kiến thức kỹ năng chuyên môn trong giảng dạy môn Giáo dục thể chất ở trường THPT
PI 6.2	Vận dụng được kiến thức kỹ năng chuyên môn trong tổ chức các hoạt động TDTT ở các trường THPT
NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP	
PLO 7	**Định hướng khởi nghiệp cho bản thân và cho người học**
PI 7.1	Định hướng khởi nghiệp cho bản thân
PI 7.2	Định hướng khởi nghiệp cho người học
PLO 8	**Tư vấn, hỗ trợ được cho người học, cha mẹ hoặc người đỡ đầu của người học**

PI 8.1	Định hướng được việc tư vấn, hỗ trợ phù hợp với người học, với cha mẹ hoặc người đỡ đầu của người học
PI 8.2	Cung cấp thông tin của người học cho các bên liên quan và tiếp nhận thông tin phản hồi một cách tích cực, đúng yêu cầu
PLO 9	**Xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, thân thiện, lành mạnh và tạo động lực cho người học**
PI 9.1	Đề xuất được biện pháp xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, thân thiện, lành mạnh và tạo động lực cho người học với sự tham gia của các bên có liên quan
PI 9.2	Tham gia xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, thân thiện, lành mạnh và tạo động lực cho người học với sự tham gia của các bên có liên quan
PLO 10	**Thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học, giáo dục và xác định được các yêu cầu về quản lí hoạt động chuyên môn**
PI10.1	Sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học, giáo dục để tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực người học.
PI10.2	Sử dụng được các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá trong dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực người học.
PI10.3	Sử dụng được các thiết bị, công nghệ trong dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực người học.
PI10.4	Thiết kế được kế hoạch dạy học, giáo dục để phát triển phẩm chất, năng lực người học.
PI10.5	Xác định được các yêu cầu về quản lí hoạt động chuyên môn
PLO 11	**Thực hiện được hoạt động nghiên cứu khoa học**
PI 11.1	Lập được kế hoạch nghiên cứu khoa học cơ bản hoặc nghiên cứu sư phạm ứng dụng
PI 11.2	Triển khai được nghiên cứu khoa học cơ bản hoặc nghiên cứu sư phạm ứng dụng

PLO (Program Learning Outcome): Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên đảm nhận nhiệm vụ giảng dạy môn Giáo dục thể chất ở các trường trung học phổ thông.
- Đảm nhận công tác huấn luyện đội tuyển và tổ chức các giải Thể dục thể thao ở các trường các trường trung học phổ thông.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Tiếp tục học lên các bậc cao hơn thuộc các chuyên ngành: Giáo dục thể chất; Huấn luyện thể thao; Quản lý TDTT; Y sinh học TDTT; Tâm lý học TDTT.

1.5. Thời gian đào tạo: 4 năm

1.6. Tổng số tín chỉ toàn khóa học

Tổng số tín chỉ cho toàn khóa học là **128** tín chỉ, bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (chưa kể các nội dung về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng).

1.7. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

1.8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

1.9. Thang điểm

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

1.10. Các chương trình đối sánh/tham khảo

1.10.1 Chương trình GDTC – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

1.10.2 Chương trình GDTC – Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

1.10.3 Chương trình GDTC – Trường Đại học Đồng Tháp

2. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Cấu trúc của chương trình đào tạo

Hợp phần	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ %	Bắt buộc		Tự chọn	
			Số TC	Tỉ lệ	Số TC	Tỉ lệ
Học phần nền tảng	74	57.81	60	81.1	14	18.9
Học phần nghiệp vụ	38	29.69	34	89.47	4	10.53
Học phần thực hành, thực tập nghề nghiệp	10	7.81	10	100	0	0
Học phần tốt	6	4.69	6	100	0	0

nghiệp						
Tổng	**128**	100	110	85.94	18	14.06

2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP tiên quyết	HP học trước	HP hỗ trợ/song hành
1. HỌC PHẦN NỀN TẢNG (74)						
1.1. Học phần chung 19tc						
a. Học phần bắt buộc 15tc						
1	POLI2001	Triết học Mác - Lênin	3	Không	Không	Không
2	POLI2002	Kinh tế chính trị học Mác - Lênin	2	Không	POLI2001	Không
3	POLI2003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Không	POLI2001	Không
4	POLI2004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Không	POLI2005	Không
5	POLI2005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Không	POLI2003	Không
6	POLI1903	Pháp luật đại cương	2	Không	Không	Không
7	PSYC1001	Tâm lý học đại cương	2	Không	Không	Không
8	MILI2701	HP1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3**	Không	Không	Không
9	MILI2702	HP2: Công tác quốc phòng và an ninh	2**	Không	Không	Không
10	MILI2703	HP3: Quân sự chung	2**	Không	Không	Không
11	MILI2704	HP4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4**	Không	Không	Không
b. Học phần tự chọn bắt buộc 4tc *Người học chọn 4 tín chỉ trong các học phần thuộc nhóm này.*						
12	EDUC2801	**Phương pháp học tập hiệu quả**	2	Không	Không	Không
13	PSYC1493	Kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề	2	Không	Không	Không
14	PSYC2801	Kỹ năng làm việc nhóm và tư duy sáng tạo	2	Không	Không	Không

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP tiên quyết	HP học trước	HP hỗ trợ/song hành
15	COMP2801	**Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục**	2	Không	Không	Không
16	DOMS0	**Giáo dục đời sống**	2	Không	Không	Không
1.2. Học phần chuyên môn chung cho nhóm ngành (4-6 TC CÁC KHOA THỐNG NHẤT CHỌN TRONG CÁC HỌC PHẦN GỢI Ý TRANG 7) 4TC						
a. Học phần bắt buộc						
17	EDUC1410	**Giáo dục vì phát triển bền vững**	2	Không	EDUC2802	Không
b. Học phần tự chọn bắt buộc (chọn 1 trong 2 học phần)						
18	DEFN1423	**Thể thao quốc phòng**	2	Không	Không	Không
19	PHYL1800	**Võ tự vệ**	2	Không	Không	Không
1.3. Học phần chuyên môn chung lĩnh vực và riêng cho ngành cụ thể 51 TC						
a. ***Học phần bắt buộc 43 TC***						
20	PHYL1801	Giải phẫu học TDTT	2	Không	Không	Không
21	PHYL1702	Khoa học thống kê trong Giáo dục thể chất	2	Không	Không	PHYL1710
22	PHYL1015	Vệ sinh học TDTT	2	Không	Không	Không
23	PHYL1703	Sinh lý học vận động HP1	2	Không	PHYL1801	Không
24	PHYL1802	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất - Học phần 1	2	Không	Không	Không
25	PHYL1803	Điền kinh	3	Không	Không	Không
26	PHYL1804	Thể dục	3	Không	Không	Không
27	PHYL1028	Bóng chuyền	3	Không	Không	Không
28	PHYL1029	Cầu lông	3	Không	Không	Không
29	PHYL1031	Bóng đá	3	Không	Không	Không
30	PHYL1032	Đá cầu	2	Không	Không	Không
31	PHYL1034	Bơi lội	2	Không	Không	Không
32	PHYL1805	Trò chơi vận động	2	Không	Không	Không
33	PHYL1704	Bóng bàn	3	Không	Không	Không
34	PHYL1705	Bóng rổ	3	Không	Không	Không
35	PHYL1010	Tâm lý học thể dục thể thao	2	PSYC1001	PSYC1001	Không
36	PHYL1011	Giáo dục học thể dục thể thao	2	Không	EDUC2802	Không
37	PHYL1806	Quản lý thể dục thể thao	2	Không	Không	Không

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP tiên quyết	HP học trước	HP hỗ trợ/song hành
b. Học phần tự chọn bắt buộc **8TC**						
Tự chọn chuyên sâu 4 TC (Chọn 1 trong 6 chuyên sâu)						
38	PHYL1807	Thể dục nâng cao 1	2	Không	PHYL1803	Không
39	PHYL1808	Thể dục nâng cao 2	2	Không	PHYL1807	Không
40	PHYL1809	Bóng chuyền nâng cao 1	2	Không	PHYL1028	Không
41	PHYL1810	Bóng chuyền nâng cao 2	2	Không	PHYL1809	Không
42	PHYL1811	Cầu lông nâng cao 1	2	Không	PHYL1029	Không
43	PHYL1812	Cầu lông nâng cao 2	2	Không	PHYL1811	Không
44	PHYL1813	Bóng bàn nâng cao 1	2	Không	PHYL1704	Không
45	PHYL1814	Bóng bàn nâng cao 2	2	Không	PHYL1813	Không
46	PHYL1815	Bóng đá nâng cao 1	2	Không	PHYL1031	Không
47	PHYL1816	Bóng đá nâng cao 2	2	Không	PHYL1815	Không
48	PHYL1817	Bóng rổ nâng cao 1	2	Không	PHYL1705	Không
49	PHYL1818	Bóng rổ nâng cao 2	2	Không	PHYL1817	Không
50	PHYL1819	Đá cầu nâng cao 1	2	Không	PHYL1032	Không
51	PHYL1820	Đá cầu nâng cao 2	2	Không	PHYL1819	Không
Tự chọn chung 4 TC (Chọn 2 trong 6 học phần)						
52	PHYL1821	Cờ vua	2	Không	Không	Không
53	PHYL1822	Bóng ném		Không	Không	Không
54	PHYL1823	Khiêu vũ thể thao		Không	Không	Không
55	PHYL1824	Vovinam	2	Không	Không	Không
56	PHYL1825	Taekwondo		Không	Không	Không
57	PHYL1826	Quần vợt		Không	Không	Không
2. HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ 38 tc						
2.1. Học phần nghiệp vụ sư phạm chung cho khối ngành 16TC						
58	PSYC2802	Tâm lí học giáo dục	4	Không	PSYC1001	Không
59	EDUC2802	Giáo dục học	4	Không	PSYC1001	Không
60	EDUT2802	Đại cương về lí luận dạy học	2	EDUC2802	PSYC1001	Không
61	PHYL1834	Kiểm tra, đánh giá trong môn GDTC	2	Không	EDUC2802	Không
62	EDUT2801	Phương pháp nghiên cứu khoa học và sư phạm ứng dụng	2	Không	Không	Không

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP tiên quyết	HP học trước	HP hỗ trợ/song hành
63	EDUC1727	Khởi nghiệp và giáo dục khởi nghiệp	2	Không	EDUC2802	Không
2.2. Học phần nghiệp vụ sư phạm cho nhóm ngành Sư phạm và riêng cho ngành GDTC (22TC)						
a. Học phần bắt buộc 18 TC						
64	PHYL1414	Phân tích, Phát triển chương trình môn Giáo dục Thể chất	2	Không	EDUC2802	Không
65	PHYL1827	Phương pháp dạy học môn GDTC	2	Không	EDUT2802	Không
66	PHYL1710	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Giáo dục Thể chất	2	Không	PHYL1801 PHYL1703 PHYL1015	không
67	PHYL1415	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục Thể chất	2	EDUC9802	PHYL1801 PHYL1703 PHYL1015	PHYL1017 PHYL1702 PHYL1710
68	PHYL1017	Sinh lý học vận động - Học phần 2	2	Không	PHYL1703	Không
69	PHYL1828	Y học thể dục thể thao	2	Không	PHYL1017	Không
70	PHYL1020	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất - HP 2	2	Không	PHYL1802	Không
71	PHYL1021	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao trường học	2	Không	PHYL1020	Không
72	PHYL1205	Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT	2	Không	PHYL1702	Không
b. Học phần tự chọn bắt buộc 4 TC (chọn 2 học phần)						
73	PHYL1714	Dinh dưỡng TDTT	2	Không	PHYL1015 PHYL1703	Không
74	PHYL1715	Chấn thương trong TDTT		Không	PHYL1801	Không
75	PHYL1829	Sinh cơ học TDTT		Không	PHYL1801 PHYL1017	Không
76	PHYL1830	Học thuyết huấn luyện	2	Không	PHYL1020	Không
77	PHYL1831	Lí luận Thể dục Thể thao giải trí		Không	PHYL1020 PHYL1021	Không
78	PHYL1832	Luật TDTT chuyên ngành		Không	POLI1903	Không
3. HỌC PHẦN THỰC HÀNH, THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP 10TC						
79	PHYL1833	Thực hành dạy học	3	Không	PHYL1827	Không

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	HP tiên quyết	HP học trước	HP hỗ trợ/song hành
80	PHYL1416	Thực tập sư phạm 1	2	Theo quy chế thực tập của Trường	PHYL1015 PHYL1802 EDUT2802 EDUC2802	Không
81	PHYL1417	Thực tập sư phạm 2	5	Theo quy chế thực tập của Trường	PHYL1020 PHYL1021	Không
4. HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP Người học chọn 01 trong 02 hình thức sau: - **Hình thức 1**: Thực hiện một khóa luận (6 TC) - **Hình thức 2**: Thực hiện một hồ sơ tốt nghiệp (3 TC) và một sản phẩm nghiên cứu (3 TC).						
82	PHYL1418	Khóa luận tốt nghiệp	6	Theo quy đinh hàng năm của Khoa	Không	Không
83	PHYL1835	Hồ sơ tốt nghiệp	3			
84	PHYL1836	Sản phẩm nghiên cứu	3			
Tổng cộng: 128 tín chỉ						

Ghi chú:

*- Số tín chỉ có kí hiệu **: Không tính vào tổng số tín chỉ toàn khóa học.*

*- Số tín chỉ có kí hiệu * và **: Không tính vào điểm trung bình chung học kì và toàn khóa học.*

3. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Đơn vị quản lý chương trình
Học kì 1 (Tổng cộng: 18TC, bao gồm 18TC bắt buộc và 0TC tự chọn)						
POLI2001	Triết học Mác – Lênin	3		Không	Không	K.GDCT
POLI1903	Pháp luật đại cương	2		Không	Không	K. GDCT
PSYC1001	Tâm lý học đại cương	2		Không	Không	K. TLH
MILI2701	Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3**		Không	Không	K.GDQP
PHYL1803	Điền kinh	3		Không	Không	K.GDTC
PHYL1804	Thể dục	3		Không	Không	K.GDTC
PHYL1705	Bóng rổ	3		Không	Không	K.GDTC
PHYL1801	Giải phẫu học TDTT	2		Không	Không	K.GDTC
Học kì 2 (Tổng cộng: 18TC, bao gồm 14TC bắt buộc và 4TC tự chọn)						

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Đơn vị quản lý chương trình
POLI2002	Kinh tế chính trị học Mác – Lênin	2		Không	POLI2001	K.GDCT
POLI2003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Không	POLI2001	K.GDCT
PSYC2802	Tâm lý học giáo dục	4		Không	PSYC1001	K. TLH
MILI2702	Học phần II: Công tác quốc phòng, an ninh	2**		Không	Không	K.GDQP
PHYL1028	Bóng chuyền	3		Không	Không	K.GDTC
PHYL1029	Cầu lông	3		Không	Không	K.GDTC
Người học chọn 4 tín chỉ trong các học phần thuộc nhóm này						
EDUC2801	Phương pháp học tập hiệu quả	2	x	Không	Không	K. KHGD
PSYC1493	Kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề	2	x	Không	Không	K. TLH
PSYC2801	Kỹ năng làm việc nhóm và tư duy sáng tạo	2	x	Không	Không	K. TLH
COMP1810	Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục	2	x	Không	Không	K. CNTT
DOMS0	Giáo dục đời sống	2	x	Không	Không	Tổ. NC
Học kì 3 (Tổng cộng: 15TC, bao gồm 15TC bắt buộc và 0TC tự chọn)						
POLI2005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Không	POLI2003	K. GDCT
MILI2703	HP3: Quân sự chung	2**		Không	Không	K.GDQP
EDUC2802	Giáo dục học	4		Không	PSYC1001	K. KHGD
PHYL1702	Khoa học thống kê trong Giáo dục thể chất	2		Không	Không	K.GDTC
EDUC9803	Phương pháp nghiên cứu khoa học và sư phạm ứng dụng	2		Không	Không	K.KHGD
PHYL1704	Bóng bàn	3		Không	Không	K.GDTC
PHYL1032	Đá cầu	2		Không	Không	K.GDTC
Học kì 4 (Tổng cộng: 17TC, bao gồm 15TC bắt buộc và 2TC tự chọn)						
POLI2004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Không	POLI2005	K. GDCT
EDUT2802	Đại cương về lí luận dạy học	2		EDUC2802	PSYC1001	KHGD
EDUC1410	Giáo dục vì phát triển bền vững	2	x	Không	EDUC2802	K.KHGD
MILI2704	Học phần IV: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4**		Không	Không	K.GDQP
PHYL1802	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất - Học phần 1	2		Không	Không	Không
PHYL1031	Bóng đá	3		Không	Không	K.GDTC
PHYL1034	Bơi lội	2		Không	Không	K.GDTC
PHYL1015	Vệ sinh học TDTT	2		Không	Không	K.GDTC
PHYL1703	Sinh lý học vận động HP1	2		Không	PHYL1801	K.GDTC
Học kì 5 (Tổng cộng: 16TC, bao gồm 10TC bắt buộc và 6TC tự chọn)						
PHYL1017	Sinh lý học vận động - Học phần 2	2		Không	PHYL1703	K.GDTC
PHYL1020	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất - HP 2	2		Không	PHYL1802	K.GDTC
PHYL1010	Tâm lý học thể dục thể thao	2		PSYC1001	PSYC1001	K.GDTC

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Đơn vị quản lý chương trình
PHYL1414	Phân tích, phát triển chương trình môn Giáo dục Thể chất	2		Không	EDUC2802	K.GDTC
PHYL1011	Giáo dục học thể dục thể thao	2		Không	EDUC2802	K.GDTC
Người học chọn 2 tín chỉ trong các học phần thuộc nhóm này						
PHYL1807	Thể dục nâng cao 1	2	X	Không	PHYL1804	K.GDTC
PHYL1809	Bóng chuyền nâng cao 1	2	X	Không	PHYL1028	K.GDTC
PHYL1811	Cầu lông nâng cao 1	2	X	Không	PHYL1029	K.GDTC
PHYL1813	Bóng bàn nâng cao 1	2	X	Không	PHYL1704	K.GDTC
PHYL1815	Bóng đá nâng cao 1	2	X	Không	PHYL1031	K.GDTC
PHYL1817	Bóng rổ nâng cao 1	2	X	Không	PHYL1705	K.GDTC
PHYL1819	Đá cầu nâng cao 1	2	X	Không	PHYL1032	K.GDTC
Người học chọn 2 tín chỉ trong các học phần thuộc nhóm này						
PHYL1821	Cờ vua	2	X	Không	Không	K.GDTC
PHYL1822	Bóng ném	2	X	Không	Không	K.GDTC
PHYL1823	Khiêu vũ thể thao	2	X	Không	Không	K.GDTC
Người học chọn 2 tín chỉ trong các học phần thuộc nhóm này						
PHYL1824	Vovinam	2	X	Không	Không	K.GDTC
PHYL1825	Taekwondo	2	X	Không	Không	K.GDTC
PHYL1826	Quần vợt	2	X	Không	Không	K.GDTC
Học kì 6 (Tổng cộng: 16TC, bao gồm 14TC bắt buộc và 2TC tự chọn)						
PHYL1710	Ứng dụng CNTT trong dạy học môn GDTC	2		Không	PHYL1801 PHYL1703 PHYL1015	K.GDTC
PHYL1021	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao trường học	2		Không	PHYL1020	K.GDTC
PHYL1834	Kiểm tra, đánh giá trong môn GDTC	2		Không	EDUC2802	K.KHGD
PHYL1828	Y học thể dục thể thao	2		Không	PHYL1017	K.GDTC
PHYL1205	Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT	2		Không	PHYL1702	K.GDTC
PHYL1035	Trò chơi vận động	2		Không	Không	K.GDTC
PHYL1827	Phương pháp dạy học môn GDTC	2		Không	EDUT2802	K.GDTC
Người học chọn 2 tín chỉ trong các học phần thuộc nhóm này						
PHYL1808	Thể dục nâng cao 2	2	X	Không	PHYL1807	K.GDTC
PHYL1810	Bóng chuyền nâng cao 2	2	X	Không	PHYL1809	K.GDTC
PHYL1812	Cầu lông nâng cao 2	2	X	Không	PHYL1811	K.GDTC
PHYL1820	Bóng bàn nâng cao 2	2	X	Không	PHYL1813	K.GDTC
PHYL1816	Bóng đá nâng cao 2	2	X	Không	PHYL1815	K.GDTC
PHYL1818	Bóng rổ nâng cao 2	2	X	Không	PHYL1817	K.GDTC
PHYL1814	Đá cầu nâng cao 2	2	X	Không	PHYL1819	K.GDTC
Học kì 7 (Tổng cộng: 17TC, bao gồm 11TC bắt buộc và 6TC tự chọn)						

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tự chọn	Học phần tiên quyết	Học phần học trước	Đơn vị quản lý chương trình
EDUC1727	Khởi nghiệp và giáo dục khởi nghiệp	2		Không	EDUC2802	K. Giáo dục
PHYL1833	Thực hành dạy học	3		Không	PHYL1827	K.GDTC
PHYL1415	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục Thể chất	2		Không		K.GDTC
PHYL1806	Quản lí TDTT	2		Không	Không	K.GDTC
PHYL1416	Thực tập sư phạm 1	2		Theo quy chế thực tập của trường	PHYL1015 PHYL1802 EDUT2802;	K.GDTC
Người học chọn 2 tín chỉ trong các học phần thuộc nhóm này						
PHYL1714	Dinh dưỡng TDTT	2	X	Không	PHYL1015 PHYL1703	K.GDTC
PHYL1715	Chấn thương trong TDTT	2	X	Không	PHYL1801	K.GDTC
PHYL1829	Sinh cơ học TDTT	2	X	Không	PHYL1801	K.GDTC
Người học chọn 2 tín chỉ trong các học phần thuộc nhóm này						
PHYL1830	Học thuyết huấn luyện	2	X	Không	PHYL1020	K.GDTC
PHYL1831	Lí luận Thể dục Thể thao giải trí	2	X	Không	PHYL1020	K.GDTC
PHYL1832	Luật TDTT chuyên ngành	2	X	Không	POLI1903	K.GDTC
Người học chọn 2 tín chỉ trong các học phần thuộc nhóm này						
DEFN1423	Thể thao quốc phòng	2	X	Không	Không	K.QP
PHYL1800	Võ tự vệ	2	X	Không	Không	K.GDTC
Học kì 8 (Tổng cộng: 11TC, bao gồm 5TC bắt buộc và 6TC tự chọn)						
PHYL1417	Thực tập sư phạm 2	5		Theo quy chế thực tập của trường	PHYL1020 PHYL1021	K.GDTC
Sinh viên chọn một trong hai hình thức làm khóa luận tốt nghiệp - Thực hiện Khoá luận tốt nghiệp (6TC) - Thực hiện Hồ sơ tốt nghiệp (3TC) và một sản phẩm nghiên cứu (3TC)						
PHYL1418	Khóa luận tốt nghiệp	6	X	Theo quy định hàng năm của khoa	Không	K.GDTC
PHYL1835	Hồ sơ tốt nghiệp	3	X	Theo hướng dẫn của Trường	Không	K.GDTC
PHYL1836	Sản phẩm nghiên cứu	3	X	Theo hướng dẫn của Trường	Không	K.GDTC

4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

1. Triết học Mác - Lênin

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: POLI2001
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Học phần gồm có 3 phần. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua việc cung cấp cho sinh viên những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin, học phần giúp sinh viên xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. Trên cơ sở này, người học vận dụng được triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: POLI2002
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: POLI2001
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Học phần gồm có 6 phần lí thuyết. Đây là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần này, người học lĩnh hội những nội dung cơ bản về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học nhận thức được trách nhiệm đối với bản thân và trách nhiệm với Tổ quốc; tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: POLI2003
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: POLI2001
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Học phần gồm có 6 phần lí thuyết. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, sinh viên được trang bị những tri thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở này, người học củng cố niềm tin vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, củng cố lòng yêu nước và bước đầu có khả năng nhận biết, phản đối các luận điệu xuyên tạc về chủ nghĩa xã hội, tuân thủ, chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, thân thiện, lành mạnh và tạo động lực cho người học với sự tham gia của các bên có liên quan.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: POLI2004
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: POLI2005
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Học phần gồm 3 phần lí thuyết. Đây là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học hiểu biết về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng. Trên cơ sở này, người học có thể vận dụng kiến thức lịch sử Đảng vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn và hình thành ý thức, trách nhiệm chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: POLI2005
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: POLI2003
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Học phần gồm có 6 phần lí thuyết và 1 phần thực tế. Đây là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học khám phá cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc

lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người. Trên cơ sở này, người học phân tích được nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, biết trân trọng, phát huy những giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cuộc sống và hình thành ý thức, trách nhiệm chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

6. Pháp luật đại cương

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: POLI1903
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Học phần gồm có 8 phần lí thuyết. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Học phần giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất và đặc trưng của nhà nước và pháp luật; nội dung cơ bản của Hiến pháp Việt Nam; quy phạm pháp luật; khái quát về một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học tuân thủ, chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời thể hiện được tinh thần trách nhiệm của người công dân toàn cầu với tinh thần quan tâm, chia sẻ và giúp đỡ mọi người.

7. Tâm lí học đại cương

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PSYC1001
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Học phần Tâm lí học đại cương bao gồm 7 phần lí thuyết và 6 bài tập nhóm, 2 bài kiểm tra trắc nghiệm (giữa kì và cuối kì). Học phần này là học phần chung bắt buộc trong nhóm các học phần nền tảng. Thông qua học phần này, người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về bản chất, đặc điểm các hiện tượng tâm lí và các quy luật tâm lí của con người (nhận thức, tình cảm, ý chí, hành động và nhân cách,...). Trên cơ sở đó, người học vận dụng kiến thức vào thực tế để nhận diện, phân biệt và giải thích được các hiện tượng tâm lí cơ bản của con người, góp phần định hướng cho hoạt động của người học.

Giáo dục quốc phòng & an ninh

Thực hiện theo Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

8. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Số tín chỉ: **3 tín chỉ**
- Mã học phần: MILI2701
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Học phần gồm có 11 phần lí thuyết và 4 bài thảo luận. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cơ sở này, người học phân tích được những đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quốc phòng và an ninh, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, góp phần bảo vệ an ninh Tổ quốc.

9. Công tác quốc phòng và an ninh

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: MILI2702
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Học phần gồm 7 phần lí thuyết và 4 bài thảo luận. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học lĩnh hội được những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh, phân tích được những quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quốc phòng và an ninh. Trên cơ sở đó, người học chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng vào việc phòng chống một số loại tội phạm trong tình hình mới.

10. Quân sự chung

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: MILI2703

- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Học phần gồm có 6 phần lí thuyết và 2 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học lĩnh hội các chế độ sinh hoạt, học tập công tác ngày, tuần; thực hiện các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; thực hiện Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Đội ngũ đơn vị và sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; Ba môn quân sự phối hợp; Hiểu biết chung về các Quân, Binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam. Trên cơ sở này, người học có trách nhiệm với bản thân, học sinh, gia đình, nhà trường và xã hội, trách nhiệm công dân với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

11. Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

- Số tín chỉ: **4 tín chỉ**
- Mã học phần: MILI2704
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Học phần gồm có 5 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học lĩnh hội những kiến thức kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, sử dụng một số loại lựu đạn thông thường; thực hành các bài chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự, từng người làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác. Trên cơ sở này, người học có trách nhiệm với bản thân, học sinh, gia đình, nhà trường và xã hội, trách nhiệm công dân với nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

12. Phương pháp học tập hiệu quả

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: EDUC2801
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không

- Nội dung:

Học phần gồm có 4 phần lí thuyết và 4 bài thực hành. Học phần này là học phần tự chọn trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học hiểu về tầm quan trọng của kĩ năng học tập, các đặc điểm và hệ thống kĩ năng học tập. Trên cơ sở đó, người học thực hiện các bài thực hành để rèn luyện và phát triển kĩ năng học tập nhằm tổ chức hoạt động học tập của bản thân và phối hợp với người khác hiệu quả trong học tập, góp phần phát huy tính tích cực trong học tập.

13. Kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PSYC1900
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Nội dung

Học phần này bao gồm 2 phần lý thuyết và 4 bài thực hành, là học phần tự chọn trong nhóm học phần nền tảng. Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng để rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên: kỹ năng thích ứng và kỹ năng giải quyết vấn đề. Bao gồm các nội dung liên quan đến vai trò của kỹ năng, quy trình, các bước và cách thức rèn luyện các kỹ năng này. Học phần có các nội dung thực hành xen kẽ lý thuyết nhằm giúp người học vận dụng được các thao tác, hành vi liên quan đến kỹ năng để xử lý các tình huống giả định và liên hệ với thực tiễn trong công việc và cuộc sống. Trên cơ sở này, sinh viên có khả năng giải quyết được vấn đề hiệu quả hơn và thể hiện sự thích ứng với hoàn cảnh mới, với công việc, với các mối quan hệ khác.

14. Kỹ năng làm việc nhóm và tư duy sáng tạo

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PSYC1901
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Nội dung

Học phần kỹ năng làm việc nhóm và tư duy sáng tạo bao gồm 2 phần lý thuyết và 4 bài thực hành, là học phần tự chọn trong nhóm học phần nền tảng. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên: kỹ năng làm việc

nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo. Bao gồm vai trò của kỹ năng, kỹ năng thành phần của kỹ năng làm việc nhóm, kỹ thuật tư duy sáng tạo và biện pháp rèn luyện cho mỗi kỹ năng. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng được các kỹ năng mềm này để tham gia, tổ chức nhóm hiệu quả và sử dụng các nguồn lực của bản thân và nhóm để giải quyết vấn đề mới mẻ, độc đáo hơn.

15. Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: COMP2801
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Học phần gồm có 3 phần lý thuyết và 10 hoạt động thực hành. Đây là học phần tự chọn tự do thuộc khối học phần khoa học cơ bản. Học phần trang bị cho sinh viên những những vấn đề chung về TTNT và ảnh hưởng của nó đến hoạt động giáo dục và đời sống, giúp người học lựa chọn được các ứng dụng TTNT trong giáo dục và đời sống. Học phần giúp sinh viên có khả năng ứng dụng TTNT để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn và vận dụng TTNT trong các hoạt động giáo dục và đời sống.

16. Giáo dục đời sống

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: DOMS0
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Nội dung:

Nhóm học phần Giáo dục đời sống gồm các học phần gắn liền với cuộc sống như: Kỹ thuật chế biến các món ăn; Kỹ thuật làm bánh; Kỹ thuật cắt may; Kỹ thuật trang điểm; Kỹ thuật làm các loại hoa giả từ các nguyên liệu khác nhau (giấy nhún, vải voan); Kỹ thuật cắt tỉa rau củ trang trí món ăn.... Học phần này là học phần tự chọn trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua những học phần Giáo dục đời sống người học lĩnh hội được những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong cuộc sống nhằm tự phục vụ cho bản thân và gia đình.

17. Giáo dục vì sự phát triển bền vững

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: EDUC1410

- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: EDUC2802
- Học phần song hành: Không
- Nội dung:

Học phần có ba nội dung, trong đó, có hai nội dung lí thuyết và một nội dung thực hành. Đây là học phần tự chọn, thuộc nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần này, người học lĩnh hội hệ thống kiến thức về phát triển bền vững; mục tiêu, nội dung và tiếp cận giáo dục vì sự phát triển bền vững; giáo dục vì sự phát triển bền vững; và đồng thời, có thể phát triển năng lực xây dựng các chủ đề giáo dục vì sự phát triển bền vững cho đối tượng học sinh THCS/THPT. Học phần đóng góp vào việc hình thành và phát triển phẩm chất trách nhiệm của người công dân toàn cầu và trách nhiệm bản thân với các vấn đề về phát triển bền vững của người học.

18. Thể thao quốc phòng

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: DEFN1423
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Nội dung:

Học phần bao gồm 05 phần, là học phần tự chọn trong nhóm học phần chuyên môn chung cho nhóm ngành. Thông qua học phần, người học luyện tập thực hành kỹ năng vượt vật cản tay không và có súng, huấn luyện 8 thế đứng cơ bản của võ thuật các thế, miếng tấn công, phòng ngự; các kỹ thuật gạt, đâm lê cơ bản; tổng hợp kỹ thuật gạt đánh báng súng; nội dung và công tác tổ chức hội thao quốc phòng ở cơ sở. Học phần sẽ giúp người học biết các trò chơi về quân sự, có thể tổ chức các trò chơi rèn luyện tính cách, tinh thần, sức khỏe, chuyên môn …

19. Võ tự vệ

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1800
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước:
- Học phần song hành:
- Nội dung:

Võ tự vệ thuộc nhóm học phần nền tảng tự chọn chung cho nhóm ngành gồm có 1 phần lí thuyết và 2 phần thực hành. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về luật, l ịch sử phát triển môn Võ tự vệ tại Việt Nam. Người học nắm được nguyên lí kỹ thuật, thực hiện đúng kỹ thuật và vận dụng kiến thức học phần vào tổ chức hướng dẫn tập luyện trong trường phổ thông, rèn luyện nâng cao sức khỏe bản thân.

20. Giải phẫu học TDTT

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1801
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

-Nội dung:

Học phần gồm có 10 phần lý thuyết. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ sư phạm. Thông qua học phần, người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản cần thiết về hình thái và cấu tạo cơ thể đặc biệt là về hình thái và cấu tạo của bộ máy vận động (hệ vận động). Một phần hoạt động của các hệ cơ quan cũng được giảng dạy nhằm tạo tiền đề cho việc tiếp thu kiến thức ở các môn học chuyên ngành tiếp theo như Sinh lý học TDTT, Y học TDTT, Vệ sinh học TDTT,... Những kiến thức nêu trên sẽ trang bị cho người học có kiến thức sâu sắc và thực hiện quản lý tốt quá trình dạy học thể chất của mình.

21. Khoa học thống kê trong Giáo dục thể chất

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1702
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: PHYL1710
- Nội dung:

Học phần bao gồm 5 bài lý thuyết và 2 bài thảo luận, thực hành. Trong đó, hệ thống 5 bài lý thuyết sẽ cung cấp cho người học cái nhìn tổng quát nhất về những lý thuyết cơ bản của xác suất thống kê, những ứng dụng của xác suất thống kê trong nghiên cứu khoa học và phục vụ dạy học môn Giáo dục thể chất. Bên cạnh đó, các nội dung lý thuyết cũng đồng thời giới thiệu một số ứng dụng và công cụ của khoa học thống kê, nhất là các phần mềm thống kê, vào hoạt động nghiên cứu và dạy học môn Giáo dục thể chất tại các trường THPT theo chương trình

Giáo dục phổ thông 2018. Từ đó giúp người học vừa trang bị kiến thức, định hình thái độ, và đồng thời rèn luyện kỹ ứng dụng khoa học thống kê trong môn Giáo dục thể chất.

22. Vệ sinh học TDTT

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1015
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm có 5 phần lý thuyết. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản cần thiết, thực dụng nhất có liên quan tới đại cương về vệ sinh học Thể dục thể thao, vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và vệ sinh tập luyện trong quá trình dạy học giáo dục thể chất. Những kiến thức nêu trên sẽ trang bị cho người học có kiến thức sâu sắc và thực hiện quản lý tốt quá trình dạy học thể chất của mình.

23. Sinh lý học vận động HP1

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1703
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Giải phẫu học Thể dục thể thao
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm 6 phần lý thuyết trong đó có các bài tập vận dụng. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng, cung cấp các kiến thức nền tảng về cơ chế hoạt động của cơ thể người trong môi trường vận động. Các quy luật về thích nghi và phát triển của các cơ quan, hệ cơ quan trong điều kiện vận động trong nhiều môi trường và điều kiện khác nhau. Từ đây, sinh viên có thể vận dụng được một cách thuần thục kiến thức đã học vào việc nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục thể chất hướng đến rèn luyện phẩm chất và năng lực thể chất cho người học.

24. Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất - Học phần 1

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần**:** PHYL1802
- Nhóm học phần: Nền tảng

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Lý luận và phương pháp GDTC (HP 1) bao gồm 5 phần lí thuyết và 2 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về lý luận và phương pháp GDTC bao gồm hệ thống các khái niệm cơ bản của lý luận TDTT có quan hệ hữu cơ với GDTC, ảnh hưởng của cách mạng khoa học công nghệ với TDTT và GDTC. Mục đích những nhiệm vụ và nguyên tắc chung của TDTT và GDTC ở Việt Nam. Song song đó, học phần này còn trang bị cho sinh viên kiến thức quan trọng để tổ chức dạy học môn GDTC như các phương pháp, phương tiện, các nguyên tắc trong quá trình dạy học động tác và phát triển tố chất thể lực.

25. Điền kinh

- Số tín chỉ: **3 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1803
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm có 3 phần lý thuyết, 3 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nguyên lí kĩ thuật của môn điền kinh (chạy cự li ngắn, nhảy xa, nhảy cao); cách thức thị phạm, giảng dạy cơ bản nội dung môn điền kinh; một số điều luật khi thi đấu và tổ chức các giải thi đấu điền kinh.

26. Thể dục

- Số tín chỉ: **3 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1804
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Thể dục gồm 3 phần lý thuyết và 3 bài thực hành. Học phần này là học phần nền tảng/chuyên môn bắt buộc. Học phần này cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về môn

Thể dục, đồng thời trang bị kiến thức về đội hình đội ngũ, bài thể dục phát triển chung. Qua đó người học biết cách tổ chức, quản lý tập thể và khả năng biên soạn bài thể dục phát triển chung.

27. Bóng chuyền

- Số tín chỉ: **3 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL 1028
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Bóng chuyền là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học sẽ lĩnh hội những kiến thức chung về Bóng chuyền, nguồn gốc và sự phát triển của môn Bóng chuyền. Đặc điểm; tác dụng; nguyên tắc và yêu cầu tập luyện của môn Bóng chuyền. Ngoài ra, còn trang bị cho sinh viên các kỹ - chiến thuật cơ bản trong Bóng chuyền: Tư thế đứng và các bước di chuyển; KT chuyền bóng cao tay – thấp tay; KT phát bóng; KT đập bóng; KT chắn bóng; chiến thuật phòng thủ (cá nhân và nhóm); chiến thuật phối hợp tấn công và phòng thủ (cá nhân và nhóm). Bên cạnh đó, giúp người học hiểu và biết cách biên soạn kế hoạch giảng dạy; phương pháp giảng dạy kỹ thuật cơ bản; phương pháp trọng tài; phương pháp tổ chức thi đấu và Luật Bóng chuyền cơ bản.

28. Cầu lông

- Số tín chỉ: **3 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1029
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Cầu lông thuộc học phần nền tảng/chuyên môn bắt buộc gồm có 02 phần lý thuyết và 03 phần thực hành. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về luật,lịch sử phát triển môn cầu lông trên thế giới và tại Việt Nam. Nắm chắc về kiến thức và có thể vận dụng vào công tác giảng dạy, biết phân tích đánh giá về kỹ thuật trong môn cầu lông. Vận dụng trong việc tổ chức lớp, phương pháp giảng dạy môn cầu lông. Thực hiện và vận dụng tốt kỹ thuật cầu lông.

29. Bóng đá

- Số tín chỉ: **3 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL 1031
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Bóng đá gồm có 5 phần lý thuyết, 2 bài thực hành. Học phần này là học phần nền tảng/chuyên môn bắt buộc gồm có 02 phần lý thuyết và 03 phần thực hành. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về luật,lịch sử phát triển môn Bóng đá 5 người,11 người trên thế giới và tại Việt Nam. Nắm chắc về kiến thức và có thể vận dụng vào công tác giảng dạy, biết phân tích đánh giá về kỹ chiến thuật trong môn bóng đá. Vận dụng trong việc tổ chức lớp, phương pháp giảng dạy môn bóng đá. Thực hiện và vận dụng tốt kỹ, chiến thuật bóng đá . Biết cách tổ chức một trận đấu bóng đá, một giải bóng ở cơ sở và tham gia công tác trọng tài và điều hành trận đấu bóng đá.

30. Đá cầu

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1032
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Đá cầu thuộc học phần nền tảng/chuyên môn bắt buộc gồm có 2 phần là lý thuyết và thực hành. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về luật, lịch sử phát triển môn Đá cầu trên thế giới và tại Việt Nam. Biết phân tích đánh giá về kỹ thuật và chiến thuật trong môn Đá cầu từ đó nắm chắc về kiến thức và có thể vận dụng vào công tác giảng dạy.

31. Bơi lội

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1034
- Học phần tiên quyết: Không
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần học trước: PHYL1034

- Học phần hỗ trợ/song hành: không
- Nội dung:

Học phần Bơi lội thuộc nhóm học phần nền tảng/chuyên môn bắt buộc, gồm hai phần: lí thuyết và thực hành. Học phần giúp người học lĩnh hội kiến thức nâng cao môn thể thao Bơi lội về đặc điểm, phương pháp tập luyện và thi đấu.Trên cơ sở những kiến thức lĩnh hội của học phần, người học có khả năng tự tổ chức tập luyện kỹ chiến thuật môn Bơi lội cũng như vận dụng vào thi đấu, rèn luyện sức khỏe thể chất.

32. Trò chơi vận động

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1805
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Trò chơi vận động thuộc học phần nền tảng/chuyên môn bắt buộc gồm có 2 phần là lý thuyết và thực hành. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, đặc điểm và khuynh hướng phát triển của trò chơi vận động. Biết phân tích đánh giá, biên soạn và sáng tạo trò chơi vận động từ đó có thể vận dụng vào công tác giảng dạy.

33. Bóng bàn

- Số tín chỉ: **3 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL 1704
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm có 4 phần. Học phần này là học phần nền tảng/chuyên môn bắt buộc trong. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử và quá trình phát triển môn bóng bàn, nguyên lý kỹ thuật, kỹ thuật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu trong bóng bàn. Những kiến thức trên giúp sinh viên có khả năng tự tổ chức tập luyện các kỹ thuật bóng bàn cũng như rèn luyện các tố chất thể lực chung và chuyên môn.

34. Bóng rổ

- Số tín chỉ: **3 tín chỉ**

- Mã học phần: PHYL 1705
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Bóng rổ là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học sẽ lĩnh hội những kiến thức chung về Bóng rổ, nguồn gốc và sự phát triển của môn Bóng rổ. Đặc điểm; tác dụng; nguyên tắc và yêu cầu tập luyện của môn Bóng rổ. Ngoài ra, còn trang bị cho sinh viên các kĩ - chiến thuật cơ bản trong Bóng rổ: KT chuyền - bắt bóng; KT dẫn bóng; KT ném rổ; KT hai bước lên rổ một tay trên vai; KT phòng thủ (cá nhân và nhóm); chiến thuật phối hợp tấn công và phòng thủ (cá nhân và nhóm). Bên cạnh đó, giúp người học hiểu và biết cách biên soạn kế hoạch giảng dạy; phương pháp giảng dạy kĩ thuật cơ bản; phương pháp trọng tài; phương pháp tổ chức thi đấu và Luật Bóng rổ cơ bản.

35. Tâm lý học thể dục thể thao

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1010
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Tâm lý học đại cương
- Học phần học trước: Tâm lý học đại cương
- Học phần song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm 7 phần lý thuyết. Học phần này thuộc học phần nền tảng/chuyên môn bắt buộc. Thông qua học phần người học lĩnh hội được kiến thức về đặc điểm, bản chất, qui luật tâm lý trong hoạt động TDTT và giáo dục thể chất. Trên cơ sở này, người học giải thích được các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong quá trình hoạt động TDTT, vận dụng để nâng cao hiệu quả của giảng dạy kỹ thuật-chiến thuật-thể lực, phát triển các phẩm chất tâm lý cho người học.

36. Giáo dục học thể dục thể thao

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần:PHYL1011
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Giáo dục học đại cương
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Giáo dục học TDTT thuộc học phần nền tảng/chuyên môn bắt buộc, là một lĩnh vực chuyên ngành của khoa học giáo dục nhằm trang bị cho sinh viên một hệ thống kiến thức về đặc điểm, nguyên tắc, phương pháp, phương tiện bài tập thể chất và đặc điểm giáo dục của hoạt động và thi đấu TDTT. Qua đó hình thành cho sinh viên những kỹ năng vận dụng các kiến thức giáo dục học TDTT vào thực tiễn tập luyện, giảng dạy để nâng cao thành tích chuyên môn, đáp ứng phục vụ công tác giảng dạy sau khi ra trường.

37. Quản lý thể dục thể thao

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1806
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Quản lý TDTT thuộc học phần nền tảng/chuyên môn bắt buộc, mang tính chất cơ bản về khoa học quản lý, tổ chức bộ máy, cán bộ TDTT, công tác kế hoạch hóa TDTT, các lĩnh vực hoạt động, công tác xã hội hóa TDTT, khoa học quản lý và tư duy phát triển TDTT. Giúp cho những cán bộ trong ngành TDTT có đủ kiến thức để hoàn thành và phát huy tốt công việc quản lý.

38. Thể dục nâng cao 1

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1807
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: PHYL1804
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm có 1 phần lý thuyết, 5 phần thực hành. Học phần này là học phần tự chọn trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, trang bị cho sinh viên các kỹ năng tư thế tay và các bước chân cơ bản trong môn Aerobic, bài khởi động Aerobic, di chuyển đội hình bằng 7 bước chân cơ bản môn Aerobic. Từ những kỹ năng lĩnh hội được của học phần người học vận dụng kết hợp phát triển kiến thức cùng âm nhạc.

39. Thể dục nâng cao 2

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**

- Mã học phần: PHYL1808
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: PHYL1807
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm có 1 phần lý thuyết, 5 phần thực hành. Học phần này là học phần tự chọn trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, trang bị cho sinh viên các kỹ năng về môn Aerobic Dance. Từ những kỹ năng lĩnh hội từ học phần Thể dục nâng cao 1 là nội dung Aerobic, người học được tiếp nối nội dung Aerobic kết hợp các thể loại Dance, phù hợp với đối tượng học sinh THPT và vận dụng xây dựng phát triển phong trào tập luyện trong trường học.

40. Bóng chuyền nâng cao 1

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**

- Mã học phần: PHYL1809
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Bóng chuyền (PHYL1028)
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần thuộc nhóm học phần nền tảng/chuyên môn tự chọn. Học phần trang bị cho sinh viên kiên thức cơ bản về Luật bóng chuyền, các kỹ thuật tấn công-phòng thủ, phương pháp tập luyện phát triển các tố chất thể lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy các kỹ - chiến thuật tấn công phòng thủ cơ bản. Những kiến thức giúp sinh viên có thể hiểu Luật bóng chuyền; hoàn thiện kỹ năng thực hành và phương pháp giảng dạy các kỹ thuật động tác tấn công-phòng thủ trong môn bóng chuyền. Biết xây dựng giáo án giảng dạy, huấn luyện môn Bóng chuyền.

41. Bóng chuyền nâng cao 2

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**

- Mã học phần: PHYL1810
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: PHYL1809
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần thuộc nhóm học phần nền tảng/chuyên môn tự chọn. Học phần trang bị cho sinh viên kiên thức nâng cao về Luật Bóng chuyền, các kỹ chiến thuật tấn công-phòng thủ, phương pháp tập luyện phát triển các tố chất thể lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy các kỹ chiến thuật tấn công phòng thủ. Những kiến thức giúp sinh viên có thể nắm vững Luật bóng chuyền; hoàn thiện kỹ năng thực hành và phương pháp giảng dạy các kỹ thuật động tác tấn công-phòng thủ trong môn Bóng chuyền. Biết tổ chức thi đấu, điều hành và có thể thực hiện công tác trọng tài môn Bóng chuyền.

42. Cầu lông nâng cao 1

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1811
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Cầu lông (PHYL1029)
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần thuộc nhóm học phần nền tảng/chuyên môn tự chọn. Học phần trang bị cho sinh viên kiên thức cơ bản về những nguyên lý kỹ thuật, phối hợp thực hiện các kỹ thuật, biết tổ chức thi đấu môn cầu lông nhằm định hình được kỹ năng về phân tích kĩ thuật, thực hiện làm mẫu thị phạm động tác, truyền đạt các kiến thức cơ bản đã học cho học sinh. Biết xây dựng giáo án giảng dạy, huấn luyện môn cầu lông.

43. Cầu lông nâng cao 2

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1812
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: PHYL1811
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần thuộc nhóm học phần nền tảng/chuyên môn tự chọn. Học phần trang bị cho sinh viên kiên thức nâng cao về Luật Cầu lông, các kỹ chiến thuật tấn công-phòng thủ, phương pháp tập luyện phát triển các tố chất thể lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy các kỹ chiến thuật tấn công phòng thủ. Những kiến thức giúp sinh viên có thể nắm vững Luật Cầu

lông; hoàn thiện kỹ năng thực hành và phương pháp giảng dạy các kỹ thuật động tác tấn công-phòng thủ trong môn Cầu lông. Biết tổ chức thi đấu, điều hành và có thể thực hiện công tác trọng tài môn Cầu lông.

44. Bóng bàn nâng cao 1

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1813
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: PHYL1704
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Chuyên sâu bóng bàn 1 là học phần nền tảng/chuyên môntự chọn. Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về những nguyên lý kĩ thuật, phối hợp thực hiện các kĩ thuật, biết tổ chức thi đấu môn bóng bàn nhằm định hình được kỹ năng về phân tích kĩ thuật, thực hiện làm mẫu thị phạm động tác, truyền đạt các kiến thức cơ bản đã học cho người học.

45. Bóng bàn nâng cao 2

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1814
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: PHYL1813
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Bóng bàn nâng cao 2 là học phần nền tảng/chuyên môn tự chọn. Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giảng dạy bóng bàn, bồi dưỡng phương pháp phối hợp kĩ thuật - chiến thuật trong tập luyện và thi đấu. Biết thực hiện biên soạn Phần trình, tiến trình, giáo án của môn bóng bàn nhằm định hình được kỹ năng về phân tích kĩ thuật, thực hiện làm mẫu thị phạm động tác, truyền đạt các kiến thức cơ bản đã học cho người học.

46. Bóng đá nâng cao 1

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1815
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: PHYL 1031
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần thuộc nhóm học phần nền tảng/chuyên môn tự chọn. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về Luật, lịch sử phát triển môn Bóng đá 5 người,11 người trên thế giới và tại Việt Nam. Nắm chắc về kiến thức và có thể vận dụng vào công tác giảng dạy, biết phân tích đánh giá về kỹ chiến thuật trong môn bóng đá. Vận dụng trong việc tổ chức lớp, phương pháp giảng dạy môn bóng đá. Thực hiện và vận dụng tốt kỹ, chiến thuật bóng đá . Biết cách tổ chức một trận đấu bóng đá, một giải bóng ở cơ sở và tham gia công tác trọng tài và điều hành trận đấu bóng đá. Các kỹ thuật tấn công-phòng thủ, phương pháp tập luyện phát triển các tố chất thể lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy các kỹ thuật tấn công phòng thủ cơ bản. Hoàn thiện kỹ năng thực hành và phương pháp giảng dạy các kỹ thuật động tác tấn công-phòng thủ trong môn bóng đá. Biết xây dựng giáo án giảng dạy, huấn luyện môn bóng đá.

47. Bóng đá nâng cao học phần 2

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1816
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: PHYL1815
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần thuộc nhóm học phần nền tảng/chuyên môn tự chọn. Học phần 2 trang bị cho sinh viên kiến thức về lịch sử phát triển môn Bóng đá Futsal trên thế giới và tại Việt Nam. Nắm chắc về kiến thức và có thể vận dụng vào công tác giảng dạy và huấn luyện, biết phân tích đánh giá về kỹ chiến thuật trong môn bóng đá Futsal. Tạo cho sinh viên tự tin hơn, khả năng giao tiếp tốt hơn, học tập theo nhóm giúp sinh viên tự phát triển bản thân tốt hơn. Vận dụng trong việc tổ chức lớp, phương pháp giảng dạy và huấn luyện môn bóng đá Futsal. Thực hiện và vận dụng tốt kỹ, chiến thuật nâng cao. Biết cách tổ chức một trận đấu bóng đá Futsal, một giải bóng ở cơ sở và tham gia công tác trọng tài điều hành trận đấu bóng đá Futsal.

48. Bóng rổ nâng cao 1

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1817
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Bóng rổ (PHYL1705)

- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần thuộc nhóm học phần nền tảng/chuyên môn tự chọn. Học phần trang bị cho sinh viên kiên thức cơ bản về Luật bóng rổ, các kỹ thuật tấn công-phòng thủ, phương pháp tập luyện phát triển các tố chất thể lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy các kỹ thuật tấn công phòng thủ cơ bản. Những kiến thức giúp sinh viên có thể hiểu Luật bóng rổ; hoàn thiện kỹ năng thực hành và phương pháp giảng dạy các kỹ thuật động tác tấn công-phòng thủ trong môn bóng rổ. Biết xây dựng giáo án giảng dạy, huấn luyện môn bóng rổ.

49. Bóng rổ nâng cao 2

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1818
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: PHYL1817
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần thuộc nhóm học phần nền tảng/chuyên môn tự chọn. Học phần trang bị cho sinh viên kiên thức nâng cao về Luật bóng rổ, các kỹ chiến thuật tấn công-phòng thủ, phương pháp tập luyện phát triển các tố chất thể lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy các kỹ chiến thuật tấn công phòng thủ.

Những kiến thức giúp sinh viên có thể nắm vững Luật bóng rổ; hoàn thiện kỹ năng thực hành và phương pháp giảng dạy các kỹ thuật động tác tấn công-phòng thủ trong môn bóng rổ. Biết tổ chức thi đấu, điều hành và có thể thực hiện công tác trọng tài môn bóng rổ.

50. Đá cầu nâng cao 1

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1819
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Đá cầu (PHYL1032)
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần thuộc nhóm học phần nền tảng/chuyên môn tự chọn. Học phần trang bị cho sinh viên kiên thức cơ bản về những nguyên lý kỹ thuật, phối hợp thực hiện các kỹ thuật, biết tổ chức thi đấu môn đá cầu nhằm định hình được kỹ năng về phân tích kĩ thuật, thực hiện làm

mẫu thị phạm động tác, truyền đạt các kiến thức cơ bản đã học cho học sinh. Biết xây dựng giáo án giảng dạy, huấn luyện môn đá cầu .

51. Đá cầu nâng cao 2

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1820
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: PHYL1819
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần thuộc nhóm học phần nền tảng/chuyên môn tự chọn. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nâng cao về Luật Đá cầu , các kỹ chiến thuật tấn công-phòng thủ, phương pháp tập luyện phát triển các tố chất thể lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy các kỹ chiến thuật tấn công phòng thủ. Những kiến thức giúp sinh viên có thể nắm vững Luật Đá cầu ; hoàn thiện kỹ năng thực hành và phương pháp giảng dạy các kỹ thuật động tác tấn công-phòng thủ trong môn Đá cầu. Biết tổ chức thi đấu, điều hành và có thể thực hiện công tác trọng tài môn Đá cầu.

52. Cờ vua

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1821
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Thuộc học phần nền tảng/chuyên môn tự chọn. Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn cờ vua, luật cờ vua, (các thuật ngữ chuyên môn, cách chơi, các giai đoạn của ván cờ.), cơ sở tâm sinh lý trong hoạt động tập luyện và thi đấu cờ vua, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài, các kiểu khai cuộc, phân tích đánh giá trung cuộc, các đòn phối hợp liên hoàn, cờ tàn kỹ thuật, cờ tàn chiến thuật. cờ thế.

53. Bóng ném

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1822
- Nhóm học phần: nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Bóng ném là học phần tự chọn thuộc nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần, người học sẽ lĩnh hội những kiến thức chung về: Lịch sử môn Bóng ném trên thế giới và tại Việt Nam, phương pháp tổ chức tập luyện, trọng tài và thi đấu môn Bóng ném, các kỹ thuật cơ bản và chiến thuật tấn công, phòng thủ nhóm.

54. Khiêu vũ thể thao

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1823
- Nhóm học phần: Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Nội dung:

Học phần thuộc nhóm học phần nền tảng/chuyên môn tự chọn. Học phần gồm 2 phần: (1) Lý thuyết về khiêu vũ gồm: lịch sử khiêu vũ, các điệu nhảy chuẩn quốc tế, học khiêu vũ, kỹ năng dẫn và theo, nghi thức trong khiêu vũ giao tiếp. (2) Thực hành khiêu vũ gồm: kỹ thuật cơ bản và tổ hợp vũ điệu cha cha cha solo; kỹ thuật cơ bản và tổ hợp vũ điệu Rumba, ghép đôi. Học phần này là học phần tự chọn trong nhóm học phần nền tảng. Thông qua học phần người học thực hiện được kỹ năng khiêu vũ thể thao cơ bản, nâng cao sức khỏe, phát triển khả năng phối hợp vận động, âm nhạc và thẩm mỹ.

55. Vovinam

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1824
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nhóm học phần : Nền tảng
- Nội dung:

Vovinam thuộc nhóm học phần nền tảng tự chọn gồm có 1 phần lí thuyết và 2 phần thực hành. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về luật,lịch sử phát triển môn Vovinam. Người học nắm được nguyên lí kỹ thuật, thực hiện đúng kỹ thuật và vận dụng kiến thức học

phần vào tổ chức hướng dẫn tập luyện trong trường phổ thông, rèn luyện nâng cao sức khỏe bản thân.

56. Taekwondo

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1825
- Nhóm học phần : Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Võ Teakwondo thuộc nhóm học phần nền tảng tự chọn gồm có 1 phần lí thuyết và 2 phần thực hành. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về luật,lịch sử phát triển môn Võ Teakwondo. Người học nắm được nguyên lí kỹ thuật, thực hiện đúng kỹ thuật và vận dụng kiến thức học phần vào tổ chức hướng dẫn tập luyện trong trường phổ thông, rèn luyện nâng cao sức khỏe bản thân.

57. Quần vợt

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1826
- Nhóm học phần : Nền tảng
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Quần Vợt thuộc học phần nền tảng chuyên môn tự chọn, gồm có 2 phần là lý thuyết và thực hành. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về luật, lịch sử phát triển môn Quần Vợt trên thế giới và tại Việt Nam. Biết phân tích đánh giá về kỹ thuật và chiến thuật trong môn Quần Vợt từ đó nắm chắc về kiến thức và có thể vận dụng vào công tác giảng dạy.

58. Tâm lí học giáo dục

- Số tín chỉ: **4 tín chỉ**
- Mã học phần: PSYC2802
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: PSYC1001
- Học phần song ngành: không

- Nội dung:

Học phần Tâm lí học giáo dục bao gồm 6 phần lí thuyết và 5 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ nghề nghiệp. Thông qua học phần, người học lĩnh hội những tri thức cơ bản về sự phát triển tâm lý nói chung và tâm lí lứa tuổi học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông nói riêng; cơ sở tâm lí của hoạt động dạy - học, giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị; hoạt động hỗ trợ tâm lý ở trường phổ thông và kĩ năng giao tiếp sư phạm (nguyên tắc, phong cách, phương tiện và kỹ thuật giao tiếp sư phạm,...). Trên cơ sở này, người học vận dụng để phân tích, xử lí các vấn đề nảy sinh trong giáo dục phổ thông dưới góc độ tâm lí học, giao tiếp - ứng xử phù hợp và hiệu quả trong môi trường sư phạm, góp phần xây dựng văn hóa học đường.

59. Giáo dục học

- Số tín chỉ: **4 tín chỉ**
- Mã học phần: EDUC2802
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song ngành: không
- Nội dung:

Học phần gồm có 5 phần lí thuyết và 8 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ nghề nghiệp. Thông qua học phần, người học lĩnh hội những đặc điểm của nghề giáo, yêu cầu nhân cách nhà giáo; những vấn đề chung của Giáo dục học bao gồm tính chất, vai trò, mục đích và nhiệm vụ giáo dục; những vấn đề chung về tổ chức hoạt động giáo dục bao gồm bản chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, phương pháp giáo dục; những vấn đề về công tác chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông gồm vị trí, chức năng, yêu cầu nhân cách của giáo viên chủ nhiệm lớp, nội dung và phương pháp công tác chủ nhiệm lớp; những vấn đề về tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông bao gồm mục tiêu, nội dung, phương thức, đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để rèn luyện và phát triển năng lực tổ chức hoạt động giáo dục của bản thân, giải thích được tầm quan trọng của hoạt động giáo dục và có quan điểm khoa học, nhân văn trong tổ chức hoạt động giáo dục, góp phần phát huy tính tích cực học tập cho người học.

60. Đại cương về lí luận dạy học

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: EDUT2802
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ
- Học phần tiên quyết: EDUC2802

- Học phần học trước: PSYC1001
- Học phần hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần *Đại cương về lí luận dạy học* gồm có 4 phần lí thuyết và 2 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ sư phạm/nghề nghiệp. Thông qua học phần, người học lĩnh hội những tri thức cơ bản về những vấn đề của hoạt động dạy học nói chung như: khái niệm, bản chất, nhiệm vụ, các lí thuyết nền tảng, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và kĩ thuật dạy học. Bên cạnh đó, người học liên hệ các nội dung lí luận chung với các môn học cụ thể để phân tích được kế hoạch bài dạy hoặc chủ đề trong môn học cụ thể. Trên cơ sở này, người học phát triển các năng lực dạy học và quản lí chuyên môn trong tương lai.

61. Kiểm tra, đánh giá trong môn GDTC

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1834
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: EDUC2802
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Học phần Đánh giá trong giáo dục bao gồm 3 phần lí thuyết (Các xu hướng hiện đại về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh THPT; Sử dụng hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh THPT; Xây dựng công cụ đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh cấp THPT trong dạy học môn sinh học). Học phần thuộc nhóm học phần: Nghiệp vụ. Học phần trang bị những kiến thức về một số lí thuyết về kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy và học tập; các phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh cấp THPT trong dạy học môn sinh học.

62. Phương pháp nghiên cứu khoa học và sư phạm ứng dụng

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: EDUT2801
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học và sư phạm ứng dụng gồm 7 phần lí thuyết: đại cương về khoa học và nghiên cứu khoa học; trình tự logic của nghiên cứu khoa học; các phương pháp thu thập và xử lí thông tin; trình bày luận điểm khoa học; tổ chức thực hiện đề tài; đạo đức khoa học; đánh giá nghiên cứu khoa học. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ nghề nghiệp. Học phần cung cấp những kiến thức về khoa học và nghiên cứu khoa học; hệ thống lí luận về phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Sinh học; xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học và khoá luận tốt nghiệp; cấu trúc của một công trình nghiên cứu khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học.

63. Khởi nghiệp và giáo dục khởi nghiệp

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: EDUC1727
- Nhóm học phần: Nghiệp vụ nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: EDUC2802
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Học phần gồm 4 phần lí thuyết và 4 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ nghề nghiệp cho nhóm ngành đào tạo giáo viên. Thông qua học phần này, người học lĩnh hội những tri thức cơ bản về khởi nghiệp, ý tưởng, cơ hội khởi nghiệp trong lĩnh vực giáo dục, đồng thời lĩnh hội các kĩ năng khởi nghiệp như xây dựng mô hình cung cấp dịch vụ giáo dục; tạo lập tổ chức; huy động vốn triển khai tổ chức. Trên cơ sở đó, người học vận dụng vào thực hành phân tích một số mô hình khởi nghiệp về cung cấp dịch vụ giáo dục, xây dựng đội, nhóm khởi nghiệp và rèn luyện kĩ năng nhận diện, phát triển thương hiệu dịch vụ giáo dục, đồng thời tổ chức các hoạt động giáo dục khởi nghiệp cho học sinh phổ thông.

64. Phân tích, Phát triển chương trình môn Giáo dục Thể chất

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1414
- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: Giáo dục học
- Học phần hỗ trợ/song hành:
- Nhóm học phần: nghề nghiệp
- Nội dung:

Học phần Phát triển chương trình môn Giáo dục Thể chất bao gồm: 3 phần lí thuyết và 1 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần Nghiệp vụ sư phạm/nghề

nghiệp. Người học phân tích được các cách tiếp cận, nguyên tắc, mô hình và quy trình PTCT. Trên cơ sở vận dụng các lý thuyết PTCT, người học có thể xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục và PTCT môn Giáo dục Thể chất trong nhà trường theo định hướng phát triển năng lực học sinh phù hợp với điều kiện thực tiễn, từ đó thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học và giáo dục.

65. Phương pháp dạy học môn GDTC

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1827
- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: EDUT2802
- Học phần hỗ trợ/song hành:
- Nhóm học phần: nghề nghiệp
- Nội dung:

Học phần Phương pháp dạy học môn GDTC bao gồm 5 phần lí thuyết và 2 bài thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần Nghiệp vụ sư phạm/nghề nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về phương pháp dạy học GDTC bao gồm phương pháp, kĩ thuật và các nguyên tắc về PP GDTC. Song song đó, học phần này còn trang bị cho sinh viên kiến thức quan trọng để tổ chức dạy học môn GDTC như các phương pháp, phương tiện, các nguyên tắc trong quá trình GDTC để từ đó giúp sinh viên có thể thiết kế được kế hoạch bài dạy và tổ chức các hoạt động học trong quá trình dạy học động tác và phát triển các tố chất thể lực.

66. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Giáo dục Thể chất

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1710
- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước:
- Học phần hỗ trợ/song hành:
- Nhóm học phần: nghề nghiệp
- Nội dung:

Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần Nghiệp vụ sư phạm/nghề nghiệp. Học phần bao gồm 5 bài lý thuyết và 2 bài thảo luận, thực hành. Trong đó, hệ thống 5 bài lý thuyết sẽ cung cấp cho người học cái những kiến thức nền tảng nhất về công nghệ thông tin (CNTT) và sự ứng dụng của CNTT trong nghiên cứu khoa học và phục vụ dạy học môn Giáo dục thể chất. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các hoạt động nghiên cứu, phân tích và ứng dụng CNTT vào thực tiễn dạy học môn Giáo dục thể chất tại các trường THPT theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Từ đó

giúp người học vừa trang bị kiến thức, định hình thái độ, và đồng thời rèn tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng CNTT trong môn Giáo dục thể chất.

67. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục Thể chất

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1415
- Học phần tiên quyết: Đánh giá trong Giáo dục
- Học phần học trước: Giải phẫu học TDTT (PHYL1801), Sinh lý học Vận động HP1 (PHYL1703), Vệ sinh học TDTT (PHYL1015)
- Học phần hỗ trợ/song hành: Sinh lý học Vận động HP2 (PHYL1017), Khoa học thống kê trong GDTC (PHYL1702), Ứng dụng CNTT trong dạy học môn GDTC (PHYL1710)
- Nhóm học phần: nghiệp vụ
- Nội dung:

Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần Nghiệp vụ sư phạm/nghề nghiệp. Học phần bao gồm 5 bài lý thuyết và 2 bài thảo luận, thực hành. Trong đó, hệ thống 5 bài lý thuyết sẽ cung cấp cho người học cái nhìn tổng quát nhất về hoạt động kiểm tra, đánh giá trong môn Giáo dục thể chất, đặc biệt là trong Chương trình GDPT 2018. Bên cạnh đó, các nội dung lý thuyết cũng giới thiệu các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá hiện đại, tiên tiến trên thế giới hiện nay. Các nội dung thảo luận thực hành sẽ hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức đã học về kiểm tra, đánh giá trong GDTC để tiến hành thiết kế và triển khai một chương trình kiểm tra, đánh giá điển hình tại trường THPT. Từ đó giúp người học vừa trang bị kiến thức, định hình thái độ, và đồng thời rèn luyện kỹ năng trong hoạt động kiểm tra, đánh giá GDTC.

68. Sinh lý học vận động - Học phần 2

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1017
- Nhóm học phần: nghiệp vụ
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Sinh lý học Vận động – Học phần 1
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần bao gồm bao gồm 6 phần lý thuyết và 2 bài tập thực hành. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ sư phạm/nghề nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ sở sinh lý của các bài tập thể thao, quá trình hình thành kỹ năng vận động, các tố chất vận động, đánh giá trình độ luyện tập, các trạng thái sinh lý của cơ thể xuất hiện khi tập luyện TDTT, đặc điểm sinh lý của thanh thiếu niên, phụ nữ và người cao tuổi khi

tham gia hoạt động thể thao. Những kiến thức nêu trên sẽ giúp sinh viên có cơ sở vững chắc để đưa ra bài tập TDTT và phương pháp giảng dạy phù hợp cho đối tượng tập luyện, góp phần nâng cao hiệu quả Giáo dục thể chất.

69. Y học thể dục thể thao

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1828
- Nhóm học phần: nghiệp vụ
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: PHYL1017
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần gồm có 5 phần lý thuyết. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ sư phạm/ nghề nghiệp. Thông qua học phần, người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản cần thiết, thực dụng nhất có liên quan tới y học thể dục thể thao, những kiến thức về kiểm tra y học thể dục thể thao, bệnh học, chấn thương, hồi phục trong hoạt động thể dục thể thao. Những kiến thức nêu trên sẽ giúp người học có kiến thức sâu sắc và thực hiện quản lý tốt quá trình dạy học thể chất của mình.

70. Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất - HP 2

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL 1020
- Nhóm học phần: nghiệp vụ
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: PHYL 1802
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Lý luận và phương pháp GDTC (học phần 2) bao gồm 3 phần lí thuyết và 1 bài thực hành. Ngoài những kiến thức cơ bản về LL và PP GDTC mà sinh viên được trang bị từ học phần 1, học phần này sẽ bổ sung thêm cho sinh viên những kiến thức để sử dụng trong quá trình dạy học động tác và giáo dục các tố chất thể lực cho người học. Bên cạnh đó, giúp sinh viên vận dụng các kiến thức và kĩ năng thực hành vào việc tổ chức và giảng dạy giờ học môn GDTC trong trường phổ thông.

71. Lý luận và phương pháp thể dục thể thao trường học

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL 1021
- Nhóm học phần: nghiệp vụ

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: PHYL 1020
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Lý luận và phương pháp TDTT trường học bao gồm 5 phần lí thuyết và 1 bài thực hành. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực TDTT và GDTC theo các lứa tuổi trong trường học. Các kiến thức về GDTC cho học sinh ở trường phổ thông, cụ thể hoá các nhiệm vụ GDTC và TDTT trong trường học. Cơ sở cấu trúc của một giờ học môn GDTC, yêu cầu, nhiệm vụ và cấu trúc của giờ học GDTC, phương pháp điều chỉnh LVĐ, phương pháp và hình thức tổ chức tập luyện môn GDTC trong trường phổ thông. Bên cạnh đó còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng biên soạn các kế hoạch giáo dục trong nhà trường phổ.

72. Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1205
- Nhóm học phần: nghiệp vụ
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Toán Thống kê và đo lường TDTT
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nội dung:

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT bao gồm bốn phần chính. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ nghề nghiệp. Thông qua học phần, người học sẽ được học các nội dung (1) Lý luận chung về nghiên cứu khoa học, (2) Trình tự tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học, (3) Phương pháp nghiên cứu thường dùng trong thể thao (4) Xây dựng đề cương và báo cáo kết quả. Học phần sẽ giúp người học có kiến thức nền tảng để có thể thực hiện được một công trình nghiên cứu khoa học, trong TDTT và trình bày được kết quả công trình nghiên cứu khoa học.

73. Dinh dưỡng TDTT

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1714
- Nhóm học phần: nghiệp vụ
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: PHYL1015 - Vệ sinh học TDTT, Sinh lý học Vận động – Học phần 1 (PHYL1703)
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không

- Nội dung:

Học phần bao gồm 5 phần lý thuyết và 3 bài tập thực hành. Học phần thuộc học phần nghiệp vụ/chuyên ngành - tự chọn. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về dinh dưỡng thể thao, giúp sinh viên hiểu được ý nghĩa của dinh dưỡng đối với hoạt động thể lực, các phương pháp nâng cao khả năng vận động với sự trợ giúp của yếu tố dinh dưỡng, xây dựng và vận dụng chế độ dinh dưỡng hợp lý trong hoạt động thể dục thể thao.

74. Chấn thương trong TDTT

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1715
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: PHYL1801;
- Nhóm học phần: nghiệp vụ
- Nội dung:

Học phần gồm có 5 phần. Học phần này là học phần tự chọn nghề nghiệp. Thông qua học phần, người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản cần thiết, thực dụng nhất có liên quan tới đại cương về chấn thương trong y học thể dục thể thao, sơ cấp cứu trong hoạt động thể dục thể thao, các trạng thái bệnh lý và một số chấn thương thường gặp trong hoạt động thể dục thể thao, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong quá trình giảng dạy và học tập các môn thể thao trường học. Những kiến thức nêu trên sẽ giúp người học có kiến thức sâu sắc và thực hiện quản lý tốt quá trình dạy học thể chất của mình.

75. Sinh cơ học TDTT

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1829
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Giải phẫu học Thể dục thể thao, Sinh lý học Vận động – Học phần 2
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nhóm học phần: nghiệp vụ
- Nội dung:

Học phần gồm 4 phần lý thuyết và 2 bài tập thực hành. Học phần thuộc học phần nghiệp vụ/chuyên ngành - tự chọn, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy luật chuyển động cơ học của cơ thể trong quá trình thực hiện kỹ chiến thuật động tác. Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có đủ năng lực vận dụng những kiến thức sinh cơ vào thực tiễn tập luyện, giảng dạy, thi đấu và huấn luyện thể thao.

76. Học thuyết huấn luyện

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**

- Mã học phần: PHYL1830
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: PHYL 1020
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nhóm học phần:nghiệp vụ
- Nội dung:

Học phần Học thuyết huấn luyện gồm có 2 phần lý thuyết và 1 bài thực hành, đây là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ sư phạm/nghề nghiệp. Học phần cung cấp hệ thống các khái niệm cơ bản và nội dung của huấn luyện thể thao, các phương tiện, phương pháp, các quy luật (nguyên tắc) phát triển các tố chất thể lực trong huấn luyện thể thao. Bên cạnh đó, học phần này còn trang bị cho người học cách thức tổ chức và cấu trúc huấn luyện thể thao nhiều năm, đồng thời cập nhật các khuynh hướng hoàn thiện hệ thống huấn luyện thể thao hiện đại và các loại kế hoạch huấn luyện. Ngoài ra, còn trang bị cho sinh viên kiến thức và kĩ năng để tổ chức hoạt động TDTT trong trường phổ thông giúp các em có thể vận dụng các kiến thức của học phần vào việc tổ chức hoạt động TDTT chính khóa và ngoại khóa.

77. Lý luận thể dục thể thao giải trí

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1831
- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: Lý luận và phương pháp GDTC Hp2, Lý luận và phương pháp TDTT trường học.
- Học phần hỗ trợ/song hành: không
- Nhóm học phần: nghiệp vụ
- Nội dung:

Học phần gồm có 2 phần lý thuyết. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần nghiệp vụ. Thông qua học phần, người học lĩnh hội được phương tiện và phương pháp thể dục thể thao giải trí của một số môn đại diện cho từng nhóm môn thể thao giải trí như: nhóm môn thể dục dưỡng sinh và giải trí, gần với thiên nhiên, mang tính dân tộc; nhóm môn vận dụng trí tuệ, chuyển dịch sự chú ý tập trung vào trò chơi; nhóm môn phô diễn nghệ thuật, vẻ đẹp; nhóm môn có độ chính xác cao; nhóm môn giảm tải, mô phỏng các môn thể thao Olympic giải trí; nhóm môn tạo cảm giác mạnh.

78. Luật TDTT chuyên ngành

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1832
- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: không
- Học phần hỗ trợ/song hành: Không
- Nhóm học phần: nghiệp vụ
- Nội dung:

Môn học Luật TDTT Trang bị cho sinh viên hiểu biết các văn bản qui phạm pháp luật về thể dục thể thao, về cách tổ chức và hoạt động thể dục thể thao, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thể dục thể thao tại Việt Nam.

79. Thực hành dạy học

- Số tín chỉ: **3 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL1833
- Nhóm học phần: thực tập nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: PHYL 1827
- Học phần hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần gồm 1 phần lí thuyết và 2 phần thực hành. Đây là học phần bắt buộc thuộc nhóm học phần thực hành nghề nghiệp. Thông qua học phần, người học được rèn luyện tác phong sư phạm cho người giáo viên; rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ và các kĩ năng cần thiết trong việc tổ chức dạy học môn GDTC. Từ đó, người học vận dụng vào để thực hành dạy học môn GDTC một cách hiệu quả.

80. Thực tập sư phạm 1

- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL 1416
- Nhóm học phần: thực tập nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Theo quy chế thực tập của trường
- Học phần học trước:PHYL 1015; PHYL 1802; EDUT2802; EDUC2802
- Học phần hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần Thực tập sư phạm 1 gồm có 3 phần: thực tập tìm hiểu thực tế giáo dục, thực tập tìm hiểu công tác giảng dạy, thực tập công tác giáo dục. Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần Thực hành, thực tập nghề nghiệp. Thông qua học phần, người học mô tả được thực tế giáo dục ở địa phương, các loại hồ sơ, sổ sách, công việc của giáo viên; phân tích được các tiết dạy, các hoạt động giáo dục đã quan sát; tham gia, tổ chức được một số tiết sinh hoạt chủ nhiệm hoặc một số hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp. Thông qua đó, người học rèn luyện các phẩm chất đạo đức nhà giáo, năng lực sư phạm của bản thân.

81. Thực tập sư phạm 2

- Số tín chỉ: **5 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL 1417
- Nhóm học phần: thực tập nghề nghiệp
- Học phần tiên quyết: Theo quy chế thực tập của trường
- Học phần học trước: PHYL1 020; PHYL1021
- Học phần hỗ trợ/song hành:
- Nội dung:

Học phần này là học phần bắt buộc trong nhóm học phần thực hành, thực tập nghề nghiệp của các ngành đào tạo giáo viên. Thông qua học phần, người học vận dụng những kiến thức, kĩ năng dạy học chuyên ngành để tổ chức thực hiện được các hoạt động giảng dạy môn Giáo dục Thể chất nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; tổ chức được các hoạt động giáo dục đáp ứng thực tế giáo dục của trường phổ thông. Đồng thời, người học rèn luyện được tác phong chuẩn mực và phong cách làm việc trong môi trường sư phạm; bước đầu tham gia vào việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ tại trường học, địa phương; rèn luyện được các kĩ năng giao tiếp, làm việc với đồng nghiệp, học sinh và cha mẹ học sinh.

82. Khóa luận tốt nghiệp

- Số tín chỉ: **6 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL 1417

83. Hồ sơ tốt nghiệp

- Số tín chỉ: **3 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL 1835
- Nhóm học phần: Tốt nghiệp (**chỉ được đánh giá khi đã hoàn thành TTSP 2**)
- Học phần tiên quyết: PHYL 1417
- Học phần học trước: không.
- Học phần song hành: không
- Nội dung:

Hồ sơ tốt nghiệp là tập hợp các minh chứng thể hiện quá trình hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp, sự vận dụng hiệu quả kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn. Các minh chứng được người học thu thập theo hệ thống qua các học phần có liên quan tại Trường và các đợt thực tập ở cơ sở nghề nghiệp. Qua việc chiêm nghiệm, phân tích và đánh giá, người học thể hiện lí tưởng, triết lý nghề nghiệp, năng lực định hướng khởi nghiệp cho bản thân, từ đó xác định được định hướng phát triển nghề nghiệp của bản thân trong tương lai.

83. Sản phẩm nghiên cứu

- Số tín chỉ: **3 tín chỉ**
- Mã học phần: PHYL 1836

5. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						1	2
1	POLI2001	Triết học Mác – Lênin	3	Khoa GDCT		x	
2	POLI2002	Kinh tế chính trị học Mác – Lênin	2	Khoa GDCT		x	
3	POLI2003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Khoa GDCT		x	
4	POLI2004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Khoa GDCT		x	
5	POLI2005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa GDCT		x	
6	POLI1903	Pháp luật đại cương	2	Khoa GDCT		x	
7	PSYC1001	Tâm lí học đại cương	2	Khoa TLH		x	
8	MILI2701	Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3**	Khoa GDQP		x	
9	MILI2702	Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh	2**	Khoa GDQP		x	
10	MILI2703	Học phần III: Quân sự chung	2**	Khoa GDQP		x	
11	MILI2704	Học phần IV: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4**	Khoa GDQP		x	
12	EDUC2801	Phương pháp học tập hiệu quả	2				
13	PSYC1900	Kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề	2				
14	PSYC1901	Kỹ năng làm việc nhóm và tư duy sáng tạo	2				
15	COMP2801	Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục	2				
16	DOMS0	Giáo dục đời sống	2				
17	EDUC1410	Giáo dục vì phát triển bền vững	2				
18	DEFN1423	Thể thao quốc phòng	2				
19	PHYL1800	Võ tự vệ	2	ThS. Nguyễn Thị Lợi ThS. Ngũ Duy Trường	GDTC GDTC	x x	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						1	2
20	PHYL1801	Giải phẫu học TDTT	2	TS.GVC. Nguyễn Thị Gấm TS.GVC. Nguyễn Thị Hiên ThS. Nguyễn Võ Thuận Thành ThS.GVC.Sầm Vĩnh Lộc	Y sinh học TDTT, GDTC	x x	
21	PHYL1702	Khoa học thống kê trong GDTC	2	ThS.GVC.Sầm Vĩnh Lộc TS.GVC.Nguyễn Nam Hải	Toán, GDTC	x x	
22	PHYL1015	Vệ sinh học TDTT	2	TS.GVC.Nguyễn Thị Gấm TS.GVC. Nguyễn Thị Hiên ThS. GVC.Sầm Vĩnh Lộc ThS. Nguyễn Võ Thuận Thành	Y sinh học TDTT	x x x x	
23	PHYL1703	Sinh lý học vận động - Học phần 1	2	TS.GVC.Nguyễn Thị Gấm TS.GVC.Nguyễn Thị Hiên Ths.GVC. Sầm Vĩnh Lộc	Y sinh học TDTT, GDTC	x x x x	
24	PHYL1802	Lý luận và phương pháp GDTC - Học phần 1	2	PGS.TS.GVC. Phạm Thị Lệ Hằng ThS.GVC.Phan Thành Lễ ThS.GVC.Lê Vũ Kiều Hoa	Lý luận TDTT, GDTC	x x x	
25	PHYL1803	Điền kinh	3	ThS.GVC. Nguyễn Minh Hùng ThS.GVC.Phan Thị Mỹ Hoa ThS. Võ Quang Trung	Giáo dục thể chất	x x x x	
26	PHYL1804	Thể dục	3	TS.GVC. Nguyễn Thị Gấm ThS. GVC. Phan Thành Lễ ThS. GVC Bùi Ngọc Bích ThS. Nguyễn Quang Huy	Giáo dục thể chất	x x x x x	
27	PHYL1028	Bóng chuyền	3	PGS.TS.GVC. Phạm Thị Lệ Hằng ThS. Trần Mạnh Tuấn ThS. Phan Thị Cẩm Hồng	Giáo dục thể chất	x x x x	
28	PHYL1029	Cầu lông	3	ThS. GVC. Nguyễn Văn Hồng ThS. Trần Thụy Ngọc Minh TS. GVC.Nguyễn Minh Khánh	Giáo dục thể chất	x x x	
29	PHYL1031	Bóng đá	3	TS.GVC. Đoàn Tiến Trung ThS. Trần Mạnh Tuấn ThS. Phạm Hà Minh TS. GVC.Nguyễn Minh Khánh	Giáo dục thể chất	x x x x	
30	PHYL1032	Đá cầu	2	ThS. Nguyễn Văn Hồng ThS. Võ Quang Trung ThS. Lê Đình Dũng	Giáo dục thể chất	x x	
31	PHYL1034	Bơi lội	2	ThS. Nguyễn Quốc Bảo ThS. Nguyễn Xuân Hùng ThS.GVC.Phan Thị Mỹ Hoa	Giáo dục thể chất	x x	
32	PHYL1805	Trò chơi vận động	2	ThS. Võ Quang Trung ThS. Lê Đình Dũng	Giáo dục thể chất	x x	
33	PHYL1704	Bóng bàn	3	TS.GVC. Nguyễn Thị Hiên ThS. Nguyễn Văn Khánh ThS. Ngũ Duy Trường	Giáo dục thể chất	x x x	
34	PHYL1705	Bóng rổ	3	ThS.GVC. Ngô Kiên Trung ThS.GVC.Lê Việt Đức ThS.GVC.Lê Vũ Kiều Hoa	Giáo dục thể chất	x x x	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						1	2
35	PHYL1010	Tâm lý học thể dục thể thao	2	TS. Nguyễn Văn Hùng TS. Nguyễn Nam Hải ThS.Sầm Vĩnh Lộc	Tâm lý TDTT, Lý luận TDTT	x	x
36	PHYL1011	Giáo dục học thể dục thể thao	2	ThS. Lê Thị Hồng Hà ThS. Nguyễn Văn Khánh TS. Nguyễn Minh Khánh	GDTC GDTC	x x	
37	PHYL1806	Quản lý thể dục thể thao	2	ThS. Lê Thị Hồng Hà ThS.Nguyễn Văn Khánh TS. Đoàn tiến Trung	GDTC GDTC	x x	
38	PHYL1807	Thể dục nâng cao 1	2	ThS. GVC. Phan Thành Lễ ThS. GVC Bùi Ngọc Bích TS.GVC.Nguyễn Thị Gấm ThS. Nguyễn Quang Huy	Giáo dục thể chất	x x x x	
39	PHYL1808	Thể dục nâng cao 2	2	ThS. GVC. Phan Thành Lễ ThS. GVC Bùi Ngọc Bích TS.GVC.Nguyễn Thị Gấm ThS. Nguyễn Quang Huy	Giáo dục thể chất	x x x x	
40	PHYL1809	Bóng chuyền nâng cao 1	2	PGS.TS.GVC. Phạm Thị Lệ Hằng ThS. Trần Mạnh Tuấn ThS. Phan Thị Cẩm Hồng	Giáo dục thể chất	x x x	
41	PHYL1810	Bóng chuyền nâng cao 2	2	PGS.TS.GVC. Phạm Thị Lệ Hằng ThS. Trần Mạnh Tuấn ThS. Phan Thị Cẩm Hồng	Giáo dục thể chất	x x x	
42	PHYL1811	Cầu lông nâng cao 1	2	ThS.GVC.Nguyễn Văn Hồng ThS. Trần Thụy Ngọc Minh	Giáo dục thể chất	x x	
43	PHYL1812	Cầu lông nâng cao 2	2	ThS.GVC.Nguyễn Văn Hồng ThS. Trần Thụy Ngọc Minh	Giáo dục thể chất	x x	
44	PHYL1813	Bóng bàn nâng cao 1	2	ThS. Nguyễn Văn Khánh TS.GVC. Nguyễn Thị Hiên ThS.Ngũ Duy Trường	Giáo dục thể chất	x x x	
45	PHYL1814	Bóng bàn nâng cao 2	2	ThS. Nguyễn Văn Khánh TS.GVC. Nguyễn Thị Hiên ThS.Ngũ Duy Trường	Giáo dục thể chất	x x x	
46	PHYL1815	Bóng đá nâng cao 1	2	TS. Đoàn Tiến Trung ThS. Phạm Hà Minh	Giáo dục thể chất	x x x	
47	PHYL1816	Bóng đá nâng cao 2	2	TS. Đoàn Tiến Trung ThS. Phạm Hà Minh	Giáo dục thể chất	x x x	
48	PHYL1817	Bóng rổ nâng cao 1	2	ThS.GVC. Lê Việt Đức ThS.GVC. Ngô Kiên Trung ThS.GVC. Lê Vũ Kiều Hoa	Giáo dục thể chất	x x x	
49	PHYL1818	Bóng rổ nâng cao 2	2	ThS.GVC. Lê Việt Đức ThS.GVC. Ngô Kiên Trung ThS.GVC. Lê Vũ Kiều Hoa	Giáo dục thể chất	x x x	
50	PHYL1819	Đá cầu nâng cao 1	2	ThS. Lê Đình Dũng ThS.Võ Quang Trung	Giáo dục thể chất	x x	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						1	2
51	PHYL1820	Đá cầu nâng cao 2	2	ThS. Lê Đình Dũng ThS.Võ Quang Trung	Giáo dục thể chất	x x	
52	PHYL1821	Cờ vua	2	ThS.GVC.Nguyễn Văn Hồng ThS. Ngũ Duy Trường	Giáo dục thể chất	x x	
53	PHYL1822	Bóng ném	2	ThS. GVC.Ngô Kiên Trung ThS. GVC.Lê Việt Đức ThS. GVC.Lê Vũ Kiều Hoa ThS. Nguyễn Quang Huy	Giáo dục thể chất	x x x	
54	PHYL1823	Khiêu vũ thể thao	2	TS. GVC.Nguyễn Nam Hải TS, Nguyễn Thị Gấm	Giáo dục thể chất	x x	
55	PHYL1824	Vovinam	2	ThS. Nguyễn Thị Lợi ThS. Ngũ Duy Trường	Giáo dục thể chất	x x	
56	PHYL1825	Taekwondo	2	ThS. Nguyễn Thị Lợi ThS.Ngũ Duy Trường	Giáo dục thể chất	x x x	
57	PHYL1826	Quần vợt	2	ThS. Nguyễn Hoàng Tuấn Cương. ThS. Võ Quang Trung	Giáo dục thể chất	x	
58	PSYC2802	Tâm lí học giáo dục	4				
59	EDUC2802	Giáo dục học	4				
60	EDUT2802	Đại cương về lí luận dạy học	2	PGS.TS. GVC. Phạm Thị Lệ Hằng TS. Nguyễn Đắc Thanh ThS. Lê Vũ Kiều Hoa			
61	PHYL1834	Kiểm tra, đánh giá trong môn GDTC	2	ThS. Sầm Vĩnh Lộc ThS. Nguyễn Võ Thuận Thành TS. Nguyễn Minh Khánh			
62	EDUT2801	Phương pháp nghiên cứu khoa học và sư phạm ứng dụng	2				
63	EDUC1727	Khởi nghiệp và giáo dục khởi nghiệp	2				
64	PHYL1414	Phân tích, Phát triển chương trình môn Giáo dục Thể chất	2	PGS.TS. GVC. Phạm Thị Lệ Hằng TS. GVC.Đoàn Tiến Trung	Lý luận, GDTC, TDTT	x x	
65	PHYL1827	Phương pháp dạy học môn GDTC	2	PGS.TS.GVC. Phạm Thị Lệ Hằng ThS.GVC.Phan Thành Lễ ThS.GVC.Lê Vũ Kiều Hoa	Lý luận, GDTC, TDTT	x x x x	
66	PHYL1710	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Giáo dục Thể chất	2	ThS. Sầm Vĩnh Lộc TS. Lâm Thanh Minh TS. Nguyễn Minh Khánh ThS. Lê Việt Đức	Y sinh TDTT, GDTC	x x	
67	PHYL1415	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục Thể chất	2	ThS. Sầm Vĩnh Lộc ThS. Nguyễn Võ Thuận Thành TS. Nguyễn Minh Khánh	Y sinh TDTT, GDTC	x x x	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						1	2
68	PHYL1017	Sinh lý học vận động - Học phần 2	2	TS.GVC.Nguyễn Thị Gấm TS.GVC. Nguyễn Thị Hiên ThS.GVC. Sầm Vĩnh Lộc ThS. Nguyễn Võ Thuận Thành	Y sinh học TDTT,	x x x	
69	PHYL1828	Y học thể dục thể thao	2	TS.GVC. Nguyễn Thị Gấm TS.GVC. Nguyễn Thị Hiên ThS.GVC. Sầm Vĩnh Lộc ThS. Nguyễn Võ Thuận Thành	Y sinh học TDTT,	x x x	
70	PHYL1020	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất - HP 2	2	PGS.TS.GVC. Phạm Thị Lệ Hằng ThS. Lê Vũ Kiều Hoa ThS. Phan Thành Lễ	Lý luận TDTT, GDTC	x x x x	
71	PHYL1021	Lý luận và phương pháp thể dục thể thao trường học	2	PGS.TS.GVC. Phạm Thị Lệ Hằng ThS. Lê Vũ Kiều Hoa	Lý luận TDTT, GDTC	x x x x	
72	PHYL1205	Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT	2	PGS. TS. Phạm Thị Lệ Hằng TS. Nguyễn Thị Gấm TS.Nguyễn Nam Hải ThS. Ngô Kiên Trung	Lý luận TDTT, GDTC	x x	
73	PHYL1714	Dinh dưỡng thể thao	2	TS.GVC.Nguyễn Thị Gấm TS.GVC. Nguyễn Thị Hiên ThS.GVC. Sầm Vĩnh Lộc	Y sinh học TDTT, GDTC	x x x	
74	PHYL1715	Chấn thương thể thao		TS.GVC. Nguyễn Thị Hiên TS.GVC. Nguyễn Thị Gấm ThS.GVC. Sầm Vĩnh Lộc	Y sinh TDTT, GDTC	x x x	
75	PHYL1829	Sinh cơ học TDTT	2	TS.GVC. Nguyễn Thị Hiên TS.GVC. Nguyễn Thị Gấm ThS.GVC. Sầm Vĩnh Lộc	Y sinh TDTT, GDTC	x x x	
76	PHYL1830	Học thuyết huấn luyện	2	PGS.TS.GVC. Phạm Thị Lệ Hằng ThS. Lê Vũ Kiều Hoa	Lý luận TDTT, GDTC	x x x	
77	PHYL1831	Lí luận Thể dục Thể thao giải trí	2	PGS.TS.GVC. Phạm Thị Lệ Hằng	Lý luận TDTT, GDTC	x x x	
78	PHYL1832	Luật TDTT chuyên ngành	2	ThS. GVC. Lê Thị Hồng Hà ThS. Nguyễn Văn Khánh TS. Đoàn Tiến Trung	Lý luận TDTT, GDTC	x x x	
79	PHYL1833	Thực hành dạy học	3	TS. Phan Thị Mỹ Hoa ThS. Ngô Kiên Trung ThS. Lê Vũ Kiều Hoa TS. Nguyễn Minh Khánh	GDTC GDTC GDTC	x x x	
80	PHYL1416	Thực tập sư phạm 1	2				
81	PHYL1417	Thực tập sư phạm 2	5				
82	PHYL1418	Khóa luận tốt nghiệp	6				
83	PHYL1835	Hồ sơ tốt nghiệp	3				
84	PHYL1836	Sản phẩm nghiên cứu	3				

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY - HỌC TẬP

Phòng học lí thuyết, Trường Đại học Sư Phạm TP Hồ Chí Minh hiện có:

- 01 hội trường B với sức chứa hơn 1000 người,đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, các hoạt động học tập,sinh hoạt chính trị, phổ biến quy chế, tổ chức các buổi tiếp nhận ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc của sinh viên, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ của viên chức, sinh viên.
- 01 nhà thi đấu Thể dục thể thao với sức chứa 500 người, đáp ứng nhu cầu học tập và tập luyện , thi đấu thể dục thể thao của viên chức, sinh viên.
- 08 giảng đường với sức chứa lớn, phù hợp với việc tổ chức giảng dạy nhiều học phần lí thuyết, tổ chức sinh hoạt sinh viên, thi nghiệp vụ sư phạm.
- 154 phòng học với sức chứa trung bình 50 người/ phòng, đáp ứng việc tổ chức giảng dạy và tổ chức thi các học phần.
- 37 phòng máy vi tính hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập Công nghệ thông tin.
- 20 phòng thực hành.
- Hệ thống mạng internet phủ toàn trường, phát wifi miễn phí cho người học truy cập mạng, đăng kí, học tập trực tuyến qua các thiết bị cá nhân.
- Tất cả các phòng học lí thuyết đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy vi tính, projector, màn chiếu hiện đại/bảng tương tác.

Tài liệu, cơ sở dữ liệu:

- Tài liệu phục vụ trong công tác giảng dạy và học tập nghiên cứu của giảng viên và sinh viên tại Nhà xuất bản Trường Đại Học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí minh, Thư viện Trường Đại Học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí minh.
- 02 tủ sách phục vụ công tác giảng dạy và học tập nghiên cứu của giảng viên và sinh viên khoa Giáo dục Thể chất.

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Để thực hiện chương trình này:

7.1 Cán bộ quản lý phải xây dựng Chương trình tổng thể hợp lí giữa lí thuyết và thực hành, tham khảo ý kiến chuyên gia và cán bộ quản lí tại cơ sở, triển khai chương trình đã được Hội đồng khoa học cấp khoa và trường thẩm định và quyết định cho thực hiện.

7.2 Giảng viên phải thực hiện đúng qui định của Nhà trường về thời gian lên lớp, nội dung, chương trình, kế hoạch đào tạo từng học kỳ, từng năm học do bộ môn và Khoa đề ra.

+ Đảm bảo tính hợp lí giữa lí thuyết và thực hành giúp người học phát triển đầy đủ phẩm chất và năng lực để thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục và dạy học.

+ Triển khai thực hiện việc dạy học linh hoạt đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học, đảm bảo tính khoa học của cấu trúc chương trình đào tạo.

+ Bao quát, tích hợp được các tình huống học tập đa dạng thường xuyên xảy ra trong môi trường sư phạm và trường phổ thông.

7.3 Người học phải Tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và trang bị cho mình những kiến thức và xác định được chương trình học tập, tự giác phát huy tìm hiểu môn học và chương trình học trong toàn niên khóa- Các yêu cầu cần đảm bảo khi thực hiện chương trình xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho người học:

7.4 Định hướng về phương pháp giảng dạy:

* Đối với các môn có lý thuyết và thực hành:

− Tăng cường kĩ năng thực hành tập luyện và hướng dẫn tập luyện theo nhóm.

− Tăng cường khả năng thu thập các bài tập bổ trợ, dẫn dắt mới về kĩ thuật, thể lực thông qua yêu cầu của bài tập cá nhân, nhóm.

− Tăng cường thực tập trợ giảng trong các giờ dạy cho SV không chuyên của các Khoa khác.

* Đối với các môn học lý thuyết:

− Tinh giản lí thuyết, gắn lí thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm

− Tăng cường bài tập về khả năng thuyết trình trước nhóm, lớp.

− Ngoài việc giúp người học hiểu các kiến thức lí thuyết, cần chú ý việc vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.

7.5 Định hướng về cách đánh giá kết quả đào tạo:

− Thường xuyên kiểm tra, đánh giá thông qua các bài tập trên lớp cũng như bài tập về nhà.

− Tăng cường việc tự kiểm tra, đánh giá đúng sai và biết cách sửa chữa lỗi sai trong quá trình học tập và tập luyện.

	Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022 **HIỆU TRƯỞNG**